BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/04/2000)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 98 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/5 /2020)

CHỨNG QUYỀN VPB/6M/SSI/C/EU/Cash-05

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Trụ sở chính: Số 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 38242897 Fax: (84-28) 38242997
Website: www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:
Họ tên: Nguyễn Hồng Nam Số điện thoại: (84-28) 38242897

Ngân hàng lưu ký: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
Trụ sở chính: Số 74, Thợ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 01/08/2006

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 05-07 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/04/2000

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền: Chứng quyền VPB/6M/SSI/C/EU/Cash-05

- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VPB
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
- Loại chứng quyền: chứng quyền mua
- Kiểu thực hiện: châu Âu
- Phương thức thực hiện chứng quyền: thanh toán tiền
- Thời hạn: 6 tháng
- Ngày phát hành dự kiến: trong tháng 05 năm 2020
- Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến: trong tháng 11 năm 2020
- Ngày đáo hạn dự kiến: trong tháng 11 năm 2020
- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)
- Giá thực hiện dự kiến: trong khoảng giá từ 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần đến 35.000 (ba lăm nghìn) đồng/cổ phần
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán
- Giá chào bán dự kiến: trong khoảng giá từ 1.000 (một nghìn) đồng/chứng quyền đến 13.000 (mười ba nghìn) đồng/chứng quyền
- Tổng số lượng chào bán: 5.000.000 (năm triệu) chứng quyền
- Tổng giá trị chào bán dự kiến: từ 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng đến 65.000.000.000 (sáu lăm tỷ) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 02 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 38245252

Fax: (84-28) 38245250

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 5
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền 5
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền 6
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở 7
4. Các rủi ro khác 7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8
III. CÁC KHÁI NIỆM/ THUẬT NGỮ/ VIẾT TẮT 8
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ 10
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam 10
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư 12
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền 15
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM 24
1. Tóm tắt thông tin doanh nghiệp 24
2. Quá trình hình thành phát triển 24
3. Cơ cấu bộ máy quản lý 27
4. Cơ cấu sở hữu 28
5. Cổ đông lớn và Người có liên quan của Cổ đông lớn đồng thời là người nội bộ của TCPH 29
6. Mạng lưới hoạt động 33
7. Quy mô nhân sự 34
8. Công nghệ ứng dụng 35
9. Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng 37
9.1 Hội đồng Quản trị 38
9.2 Ban Tổng Giám Đốc 39
9.3 Ban Kiểm soát 39
THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 40
1. Tình hình hoạt động kinh doanh 40
1.1. Dịch vụ chứng khoán 40
1.2. Dịch vụ Ngân hàng đầu tư 44
1.3. Quản lý Quỹ 46
1.4. Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính 49
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất 51
3. Tình hình tài chính 52

CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM....56
1. Thông tin chung về chứng quyền....56
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở....56
3. Thời gian phân phối chứng quyền....58
4. Đăng ký mua chứng quyền....58
5. Thực hiện chứng quyền....61
6. Quyền của người sở hữu chứng quyền....63
7. Điều chỉnh chứng quyền....65
8. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ liên quan:....65
9. Hoạt động tạo lập thị trường....66
VI. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM....68
1. Quy trình quản trị rủi ro....68
2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền....71
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành....75
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN....76
VIII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH....76
IX. CAM KẾT....77
X. PHỤ LỤC....77

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có đảm bảo, các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có đảm bảo với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền có đảm bảo không nên hiểu sự phát hành chứng quyền có đảm bảo như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và các chứng quyền có đảm bảo này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- Rủi ro chứng quyền bị hủy niêm yết: Trong trường hợp tổ chức phát hành bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, chứng quyền sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn.
- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền có đảm bảo nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới

chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cẩn trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền có đảm bảo.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

- Rủi ro đầu tư chung: người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.

- Rủi ro về giá: rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến độ giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.

- Rủi ro từ tính đòn bẩy: đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy, nhà

Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.

Chứng quyền kiểu châu Âu là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.

Giá thực hiện là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Tỷ lệ chuyển đổi cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

Ngày đáo hạn là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.

Chứng quyền đang lưu hành là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.

Chứng quyền chưa lưu hành là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.

Chứng quyền có lãi (ITM) là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá của chứng khoán cơ sở.

Chứng quyền lỗ (OTM) là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.

Chứng quyền hòa vốn (ATM) là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở

Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.

Delta là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$Delta = \frac{Mức\ độ\ thay\ đổi\ giá\ chứng\ quyền}{Mức\ độ\ thay\ đổi\ giá\ chứng\ khoán\ cơ\ sở}$$

Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

BCTC: Báo cáo tài chính

HNX: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

HSX: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

NHNN: Ngân hàng nhà nước

UBCK: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

VSD: Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam

SSI hoặc **Công ty**: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2020 ước tính tăng 3,82% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất quý I các năm trong giai đoạn 2011-2020. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đặt ưu tiên hàng đầu lên phòng chống và dập dịch, hy sinh lợi ích kinh tế để đảm bảo tính mạng và sức khỏe của nhân dân thì nền kinh tế nước ta tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tình trạng tăng trưởng âm là thắng lợi của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong cuộc chiến đẩy lùi dịch bệnh, đồng thời vẫn duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,08%, đóng góp 0,2% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,15%, đóng góp 58,4%; khu vực dịch vụ tăng 3,27%, đóng góp 41,4%.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong quý I/2020 tăng thấp so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, dịch Covid-19 và dịch tả lợn châu Phi. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng trưởng âm 1,17%, chỉ cao hơn mức tăng trưởng âm 2,69% của quý I/2016 trong giai đoạn 2011-2020[3], làm giảm 0,1 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 5,03% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,04 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 2,79%, thấp hơn mức tăng 4,96% và 5,42% của cùng kỳ các năm 2018 và 2019, đóng góp 0,07 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp quý I/2020 tăng 5,28% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều mức tăng 10,45% của quý I/2018 và 9% của quý I/2019, đóng góp 1,89 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,12%, chỉ cao hơn mức tăng 4,38% và 5,97% của cùng kỳ các năm 2013 và 2014 trong giai đoạn 2011-2020[4], đóng góp 1,64 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng tăng trưởng âm 3,18%, làm giảm 0,21 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế do sản lượng dầu thô khai thác giảm 10,9% và khí đốt tự nhiên giảm 9,9%. Ngành xây dựng tăng 4,37%, cao hơn mức tăng 0,35% và 1,18% của quý I năm 2011 và năm 2012 trong giai đoạn 2011-2020[5], đóng góp 0,25 điểm phần trăm.

Trong những tháng đầu năm 2020, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu. Khu vực dịch vụ trong quý I/2020 đạt mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm 2011-2020[6]. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của quý I như sau: Bán buôn và bán lẻ

tăng 5,69% so với cùng kỳ năm trước, là ngành đóng góp lớn nhất vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế (0,7 điểm phần trăm); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,19%, đóng góp 0,33 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi giảm 0,9%, làm giảm 0,03 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 11,04%, làm giảm 0,53 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35,52%; khu vực dịch vụ chiếm 43,71%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,66% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2019 là: 10,15%; 35,31%; 43,99%; 10,55%).Trên góc độ sử dụng GDP quý I/2020, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,07% so với cùng kỳ năm 2019; tích lũy tài sản tăng 2,20%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 1,59%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 1,05%.

Hoạt động của hệ thống tổ chức tín dụng trong quý I/2020 chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, tăng trưởng tín dụng tính đến thời điểm 20/3/2020 đạt mức thấp nhất so với cùng thời điểm của các năm 2016-2020[18]. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm quý I/2020 tăng trưởng khá với nhiều sản phẩm bảo hiểm phong phú đáp ứng nhu cầu của người dân trước tình hình dịch bệnh; thị trường chứng khoán giảm mạnh với tổng mức huy động vốn cho nền kinh tế giảm 65% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện quý I/2020 tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2019, mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020[19] do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước quý I/2020 đạt mức khá 13,2% kế hoạch năm[20] mặc dù kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2020 cao hơn 18% so với năm 2019 và tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước. Đây là tín hiệu tích cực phản ánh kết quả việc Chính phủ thực hiện quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 3 tháng ước tính đạt 3,9 tỷ USD, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước, đây là lần giảm đầu tiên trong giai đoạn 2016-2020

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tác động tới sản xuất, kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu, từ đó ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách Nhà nước trong những tháng đầu năm 2020. Chi ngân sách Nhà nước tập trung bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, y tế, quản lý Nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Ngoài ra, dịch Covid-19 lây lan mạnh ở các nước đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ đã ảnh hưởng không nhỏ đến kim ngạch xuất, nhập khẩu của nhiều mặt hàng. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu tháng Ba ước tính đạt 39 tỷ USD, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 115,34 tỷ USD, giảm 0,7%, trong đó xuất khẩu đạt 59,08 tỷ USD, tăng 0,5%; nhập khẩu đạt 56,26 tỷ USD, giảm 1,9%. Xuất siêu quý I năm nay đạt 2,8 tỷ USD.

Ảnh hưởng của dịch Covid-19, giá xăng dầu thế giới giảm mạnh và nguồn cung gia cầm dồi dào là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2020 giảm 0,72% so với tháng trước, đây là chỉ số CPI thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 và bình quân quý I/2020 so với cùng kỳ năm trước đều ở mức cao nhất trong giai đoạn 2016-2020 tăng lần lượt 4,87% và 5,56%. Tỷ giá thương mại hàng hóa lần đầu tiên giảm trong 3 năm

gần đây, phản ánh giá xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra nước ngoài không được thuận lợi so với giá nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam.
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

TTCK Việt Nam không nằm ngoài xu hướng lao dốc của TTCK toàn cầu

Tâm điểm dịch bệnh trong tháng 3 đã hướng sang Mỹ và các nước Châu Âu, tâm lý nhà đầu tư rơi vào hoảng loạn trước lo ngại khủng hoảng khiến TTCK Mỹ ghi nhận những phiên biến động rất mạnh với biên độ tăng giảm đạt mức kỷ lục trong nhiều năm. Chỉ số DJIA đóng cửa phiên ngày 31/2 mất 13.6% so với thời điểm cuối tháng 2 trong khi S&P 500 mất 12.8%.

Với TTCK Việt Nam, chỉ số VN-Index sau những nỗ lực duy trì điểm số với mức giảm 5.8% đã không chống đỡ nổi với lực bán giá thấp dồn dập trong tháng 3. Lực bán này được kích hoạt bởi nhiều yếu tố (i) tác động từ TTCK thế giới sụt giảm (ii) dịch bệnh khó kiểm soát tại 2 thị trường xuất khẩu lớn là Mỹ và Châu Âu và (iii) các biện pháp mạnh từ Chính phủ nhằm dập nhanh dịch bệnh bao gồm siết nhập cảnh, hạn chế hoạt động của các doanh nghiệp không thiết yếu và chỉ thị 16 cách ly toàn xã hội khiến các hoạt động mua bán và giao thông bị đình trệ. VN-Index đóng cửa phiên giao dịch ngày 31/3 tại 662.53 điểm, mất 24.9% so với thời điểm cuối tháng 2 và 31% so với thời điểm cuối năm 2019.

Tất cả các nhóm ngành đều mất điểm, kể cả Công nghệ Thông tin được cho là ít chịu tác động từ dịch bệnh hay ngành Y tế, được hưởng lợi từ dịch bệnh. Giảm mạnh nhất là các cổ phiếu nhóm ngành Hàng tiêu dùng không thiết yếu và Năng lượng với mức giảm 40.1% và 33.1% đưa mức giảm chung của 2 ngành này lên 43.4% và 45.3% trong 3 tháng đầu năm. Giá MWG và PNJ trong tháng đã mất tương ứng 45% và 43% do triển vọng lợi nhuận bị ảnh hưởng nặng do nhu cầu suy yếu và hai doanh nghiệp này cũng phải đóng cửa nhiều cửa hàng trước ảnh hưởng của dịch bệnh.

Cuộc chiến về giá và nhu cầu tiêu thụ dầu sụt giảm đã khiến giá dầu thô trong tháng 3 cũng có những cú lao dốc lịch sử. Giá dầu có những phiên giao dịch quanh mức 20 USD/thùng, thấp nhất từ năm 2002. Các cổ phiếu PVS (-40%), PVD (-43%) và PLX (-25%) chịu ảnh hưởng nặng nhất trong nhóm cổ phiếu Năng lượng.

Tác động mạnh nhất đến VN-Index lại là các cổ phiếu Tài chính và Bất động sản. Trong tháng 2, các cổ phiếu ngân hàng đã giữ nhịp cho thị trường nhờ kỳ vọng việc ra mắt quỹ ETF chỉ số ngành Tài chính (VNFIN Lead ETF). Tuy vậy sang tháng 3, nhóm này đã có 5 cổ phiếu trong top 10 cổ phiếu kéo giảm VN-Index nhiều nhất, bao gồm VCB (-24.75%), BID (-32.2%), CTG (-33.2%), TCB (-32.58%) và VPB (-37.68%). Ở nhóm Bất động sản, VHM (-31.9%) là cổ phiếu lấy đi nhiều điểm số nhất của VN-Index.

VN-Index đã giảm mạnh kể từ đầu năm

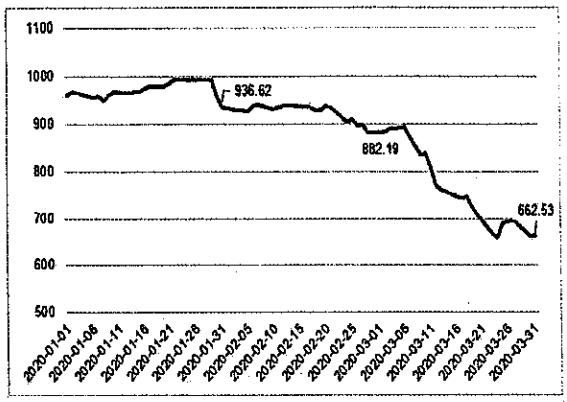

Ngành tiếp tục tăng trưởng âm trong tháng 3 và Q1.2020

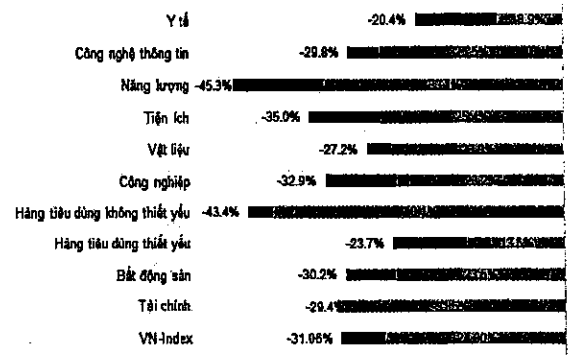

10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index theo chiều giảm

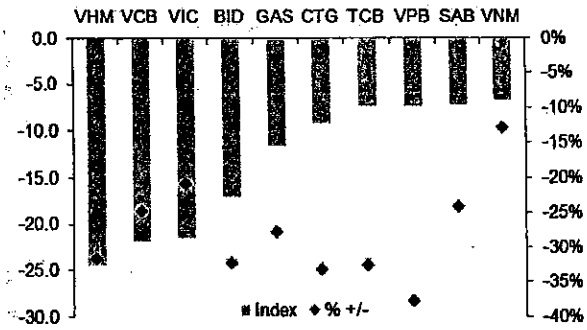

10 cổ phiếu ảnh hưởng tích cực nhất đến VN-Index

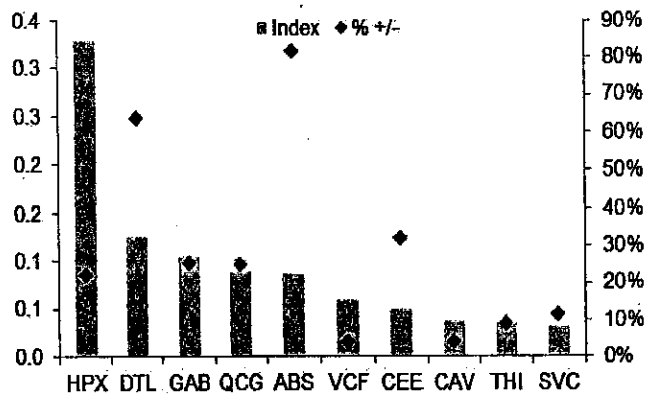

Nguồn: Bloomberg, SSIResearch

Một điểm có thể coi là tích cực là thanh khoản thị trường tiếp tục cải thiện. Những phiên giảm điểm mạnh đã kích thích nhiều nhà đầu tư tham gia vào thị trường hơn. GTGD bình quân 3 sàn ghi nhận đạt 5.380 tỷ đồng/phiên, tăng 15.4% so với tháng 2. Nhóm giao dịch thỏa thuận tăng 32.5% và nhóm khớp lệnh tăng 10.4% lên 3.981 tỷ đồng. Tuy vậy điểm không tích cực là sự gia tăng giao dịch của khối ngoại theo chiều hướng bán ra, chủ yếu ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn.

Chuỗi bán ròng của khối ngoại bắt đầu từ ngày 30/1 khi dịch Covid-19 mới chỉ là vấn đề của Trung Quốc và các nước Đông Á. Trong suốt 44 phiên, chỉ có 3 phiên nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhưng với giá trị rất ít. Riêng tháng 3, khối ngoại mua vào 13.066 tỷ đồng giảm 7.2% so với tháng 2 và bán ra 21.900 tỷ đồng, tăng đột biến 27.2%. Tổng giá trị bán ròng của NĐTNN trong tháng 3 là 8.833 tỷ, gấp 2.8 lần so với giá trị bán ròng của tháng 2. Đây cũng là mức bán ròng cao kỷ lục trong vòng 1 tháng, nâng giá trị bán ròng từ đầu năm của khối này lên 10.007 tỷ đồng. Điều đáng nói là động thái bán ròng chủ yếu được thực hiện trên kênh giao dịch khớp lệnh, trực tiếp gây sức ép lên giá cổ phiếu.

Giao dịch của các quỹ ETF phản ánh xu hướng chung khi hầu hết các quỹ lớn đều bị rút vốn trong tháng 3, trong đó quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF bị rút 611 tỷ VND, FTSE Vietnam Swap UCITS ETF bị rút 453 tỷ VND, VFM VN30 ETF bị rút 376 tỷ VND. Xu hướng rót vốn trong 2 tháng đầu năm đã bị đảo ngược nhanh chóng, tính tới hết tháng 3, các quỹ ETF đã bị rút tổng cộng hơn 1.100 tỷ VND. Động thái bán ròng của khối ngoại tiếp tục nằm trong xu hướng rút vốn khỏi thị trường cổ phiếu của các nhà đầu tư quốc tế. Theo số liệu của EPFR Global, xu hướng bán ròng đã trở nên phổ biến trên hầu hết các thị trường. Trong 4 tuần tính tới ngày 25/3, đã có 74.8 tỷ USD bị rút ra khỏi các quỹ đầu tư cổ phiếu toàn cầu, các quỹ đầu tư trái phiếu cũng bị rút 256.5 tỷ USD trước lo ngại về tình trạng thiểu phát và chất lượng tín dụng suy giảm, ngược lại các quỹ tiền tệ nhận được 528.5 tỷ USD. Tất cả các thị trường khu vực cũng không nằm ngoài xu hướng chung toàn cầu.

Các TTCK khu vực đều bị bán ròng trong tháng 3 (triệu USD)

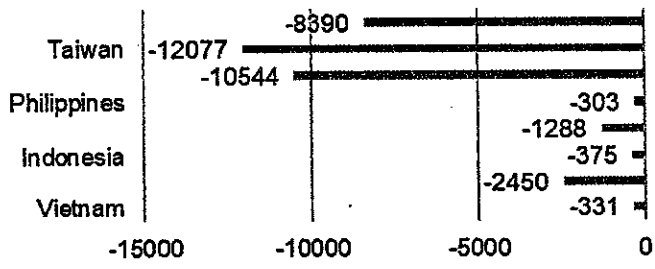

Xu hướng rút vốn của các quỹ ETF tại Việt Nam

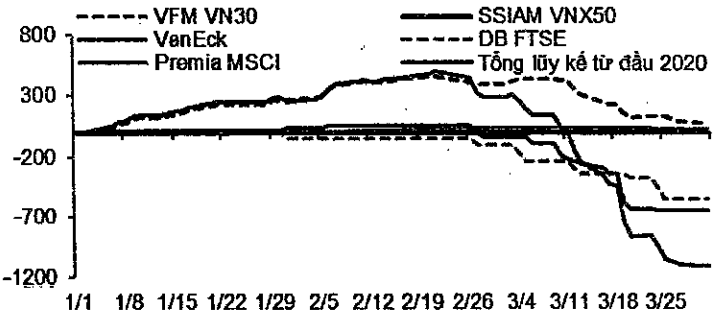

Nguồn: Bloomberg, SSIResearch

Định giá của thị trường tiếp tục về mức rất thấp, sẽ hấp dẫn nếu dịch bệnh được kiểm soát tốt. P/E trailing của VN-Index giảm về còn 10.29 lần vào cuối tháng 3 so với mức 13.74 lần cuối tháng trước. Đây là mức thấp nhất kể từ đầu tháng 12/2012 và vẫn thấp hơn hầu hết các thị trường khu vực như Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Philippines và cả Trung Quốc.

Mức định giá thấp một phần phản ánh cái nhìn thiếu tích cực của các nhà đầu tư vào triển vọng tăng trưởng lợi nhuận quý hiện tại và các quý tới khi dịch bệnh khiến kinh tế của Việt nam cũng như toàn cầu sẽ giảm tốc rất nhanh, thậm chí chuyển sang âm. Mặc khác, điều này cũng phản ánh áp lực cắt lỗ kỹ thuật và sức ép bán giải chấp khi thị trường có những phiên giảm rất mạnh liên tiếp nhau.

Tuy nhiên, như đã đề cập trong báo cáo tháng 2, với quan điểm suy giảm thương mại là tạm thời thì mức định giá thấp này vẫn là lợi thế cho Việt Nam thu hút dòng vốn ngoại trở lại và tạo sức bật hồi phục tốt cho các chỉ số thị trường một khi có tín hiệu dịch Covid-19 được kiểm soát tốt trên toàn cầu.

P/E VN-Index tiếp tục về mức rất thấp

P/E thị trường Việt Nam và các nước khu vực (31/3/2020)

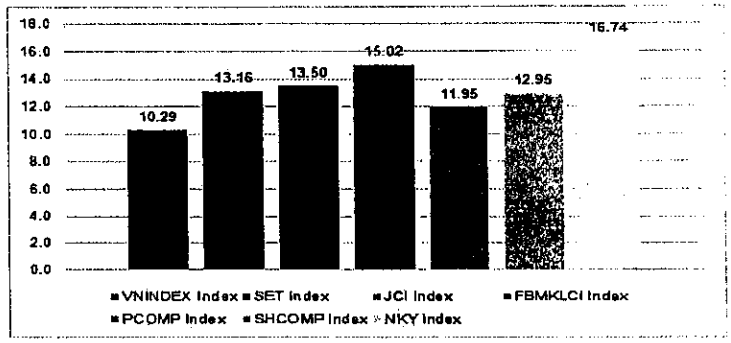

Nguồn: Bloomberg, SSIResearch

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền

Cùng với sản phẩm phái sinh, chứng quyền mang lại cho nhà đầu tư công cụ phòng hộ rủi ro. Đây cũng là sản phẩm đầu tư có chi phí thấp hơn so hơn so với cổ phiếu và có tính đòn bẩy cao, nhà đầu tư có cơ hội tìm kiếm lợi nhuận với chứng quyền với nhiều chiến lược đầu tư khác nhau.

Chứng quyền trong đợt phát hành này có tài sản cơ sở là cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB). Cơ hội đầu tư vào sản phẩm này thể hiện ở những điểm sau:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) được thành lập ngày 12/8/1993. Sau hơn 26 năm hoạt động, VPBank đã phát triển mạng lưới lên 227 điểm giao dịch với đội ngũ gần 27.000 cán bộ nhân viên. Năm 2019, Tạp chí The Asian Banker đã công bố VPBank là "Ngân hàng tốt nhất dành cho SME" tại Việt Nam. Được Brand Finance định giá 354 triệu đô la Mỹ, thương hiệu VPBank đứng thứ 361, là Ngân hàng tư nhân Việt Nam đầu tiên và duy nhất được vinh danh trong "Top 500 ngân hàng có giá trị thương hiệu cao nhất toàn cầu". Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng giao dịch phiên đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17/08/2017.

Kết quả kinh doanh năm 2019

Kết quả năm 2019. Trên cơ sở hợp nhất, VPB đạt 10.334 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 12,3% YoY và hoàn thành 109% kế hoạch năm. Nếu không bao gồm thu nhập bất thường từ AIA năm 2018, lợi nhuận trước thuế cả năm đã tăng 23,9% YoY. Ngân hàng đã tất toán toàn bộ trái phiếu VAMC, giảm đáng kể gánh nặng lên lợi suất hoạt động và kết quả kinh doanh trong tương lai.

Trên cơ sở báo cáo tài chính riêng, lợi nhuận trước thuế của ngân hàng mẹ và FeCredit tương ứng đạt 5,8 nghìn tỷ đồng (+ 14,9% YoY và + 38,2% YoY nếu không bao gồm khoản phí độc quyền từ AIA năm 2018) và 4,5 nghìn tỷ đồng (+ 9,3% YoY).

Tuân thủ ICAAP. VPB đã hoàn thành việc tuân thủ ICAAP (Trụ cột 2 của Basel II) và gần đây đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Với kết quả này, VPB trở thành ngân hàng thứ ba trong hệ thống ngân hàng Việt Nam hoàn thành việc tuân thủ cả 3 trụ cột của Basel II.

Kế hoạch năm 2020. Ngân hàng mẹ đặt mục tiêu tăng trưởng +15% YoY về quy mô (tăng trưởng tín dụng, tăng trưởng tài sản) và tăng trưởng lợi nhuận trước thuế 25-30% YoY. Động lực tăng trưởng là nhờ thúc đẩy hoạt động ngân hàng giao dịch, các sản phẩm cho vay cốt lõi, và chiến lược ngân hàng mở. Gánh nặng dự phòng giảm bớt và chi phí huy động giảm ~50 bps sẽ góp phần hỗ trợ lợi nhuận ròng của ngân hàng. Điều này là nhờ CASA cải thiện, đa dạng hóa nguồn vốn huy động và có thể tận dụng tốt hơn nguồn tiền gửi ngắn hạn, do tỷ lệ vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn hiện tại chỉ ở mức 27,9%. Mặc dù chưa công bố con số cụ thể liên quan đến kế hoạch lợi nhuận năm 2020, FeCredit có tiết lộ dư nợ cho vay khoảng 70 nghìn tỷ đồng (+ 15,5% YoY).

Sự kiện IPO của FeCredit. Công ty vẫn đang thảo luận về việc IPO hay chuyển nhượng cổ phần cho đối tác chiến lược của FeCredit. Tuy nhiên, một điều rõ ràng là trong cả hai kịch bản, VPB vẫn sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu trên 51% tại FeCredit. Ban lãnh đạo cho biết công ty đang chờ phê duyệt và kỳ vọng kế hoạch sẽ thực hiện trong năm nay.

SSI cho rằng việc hoàn thành triển khai ICAAP là một yếu tố tích cực cho hoạt động của ngân hàng năm 2020, giúp VPB có thể xin Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cấp hạn mức tín dụng cao hơn. Năm 2020, chúng tôi điều chỉnh các ước tính về lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 12,8 nghìn tỷ đồng (+ 23,6% YoY), trong đó 7,6 nghìn tỷ đồng (+30,9% YoY) từ ngân hàng mẹ và 5,1 nghìn tỷ đồng (+14% YoY) từ FeCredit.

Kết quả kinh doanh Q4/2019 chi tiết

Bảng: Tóm tắt báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất - Tỷ đồng)

(tỷ đồng)	Q4/2019	Q4/2018	% YoY	2019	2018	% YoY	2018 (không gồm doanh thu phí banca)	% YoY
Thu nhập lãi ròng	8.064	6.513	23,8%	30.492	24.702	23,4%	24.702	23,4%
Thu nhập ngoài lãi	1.958	2.461	-20,4%	5.863	6.384	-8,2%	5.528	6,1%
Tổng thu nhập hoạt động	10.022	8.973	11,7%	36.356	31.086	17,0%	30.230	20,3%
Chi phí hoạt động	(3.192)	(2.841)	12,4%	(12.334)	(10.634)	16,0%	(10.634)	16,0%
CIR	31,9%	31,7%		33,9%	34,2%		35,2%	
Chi phí dự	(3.695)	(3.059)	20,8%	(13.68	(11.25	21,6%	(11.253)	21,6

phòng rủi ro tín dụng				8)	3)			%
Lợi nhuận trước thuế	3.135	3.074	2,0%	10.334	9.199	12,3%	8.343	23,9 %
NIM	9,61%	9,25%		9,37%	8,98%			

Nguồn: VPB, SSI research

Bảng: Tóm tắt bảng cân đối kế toán (hợp nhất - Tỷ đồng)

(tỷ đồng)	2019	2018	% YTD
Tổng tài sản	377.214	323.291	16,7%
Cho vay khách hàng (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp)	271.407	230.790	17,6%
Tiền gửi khách hàng (bao gồm giấy tờ có giá)	271.549	219.509	23,7%
Tỷ lệ nợ xấu (Thông tư 02)	2,95%	3,21%	
LLC	46,4%	45,9%	
LDR (*)	72,4%	73,7%	
Tỷ lệ vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (ngân hàng mẹ)	27,9%	33,6%	
CAR (Thông tư 41)	11,1%	11,2%	

*Nguồn: VPB, SSI research, * Số liệu ngân hàng mẹ*

Ngân hàng mẹ - Tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi ấn tượng

Bảng: Tóm tắt báo cáo kết quả kinh doanh (Tỷ đồng)

(tỷ đồng)	Q4/2019	Q4/2018	% YoY	2019	2018	% YoY	2018 (không gồm doanh thu phí AIA)	% YoY
Thu nhập lãi ròng	3.372	2.732	23,4%	12.479	10.459	19,3%	10.459	19,3 %
Thu nhập ngoài lãi	1.756	1.474	19,1%	5.051	4.458	13,3%	3.492	44,6 %
Tổng thu nhập hoạt động	5.128	4.207	21,9%	17.530	14.918	17,5%	14.061	24,7 %
Chi phí hoạt động	-1.833	-1.795	2,1%	-6.645	-6.106	8,8%	-6.106	8,8%
CIR	35,7%	42,7%		37,9%	40,9%		43,4%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-1.170	-1.179	-0,8%	-5.049	-3.732	35,3%	-3.732	35,3 %
Lợi nhuận trước thuế	2.125	1.232	72,5%	5.836	5.079	14,9%	4.223	38,2 %
NIM	4,81%	4,60%		4,65%	4,53%		4,54%	

Nguồn: VPB, SSI research

Bảng: Tóm tắt bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)

(tỷ đồng)	2019	2018	% YTD
Tổng tài sản	316.977	274.158	15,6%
Cho vay khách hàng (bao gồm trái phiếu doanh	210.916	177.520	18,8%

nghiệp)			
Tiền gửi khách hàng (bao gồm giấy tờ có giá)	238.404	192.402	23,9%
Tỷ lệ nợ xấu (Thông tư 02)	2,18%	2,41%	
LLC	52,4%	52,7%	
LDR	72,4%	73,7%	
Tỷ lệ vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (ngân hàng mẹ)	27,9%	33,6%	
CAR (Thông tư 41)	10,0%	9,5%	

Nguồn: VPB, SSI research

Thu nhập lãi ròng tăng 19,3% YoY nhờ tăng trưởng tín dụng tốt và chênh lệch lãi suất tang

Tăng trưởng tín dụng và huy động vào cuối năm đạt 18,8% YTD và 23,9% YTD. NIM tăng 12 bps YoY lên 4,65% vào năm 2019, mặc dù LDR thuần đã giảm xuống 88,5% (từ 92% vào năm 2018). NIM tăng chủ yếu nhờ lợi suất tài sản tốt hơn, khi lợi suất tài sản sinh lãi tăng 66 bps - trong khi chi phí vốn tăng 52 bps. Xu hướng này đã diễn ra từ Q3, do các yếu tố sau:

• Tỷ lệ tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước trên tổng tài sản giảm từ 3,8% (10 nghìn tỷ đồng) trong năm 2018 xuống chỉ còn 0,9% (3 nghìn tỷ đồng) vào năm 2019. Loại tài sản này có lãi suất thấp dưới 1% mỗi năm. Ngoài ra, ngân hàng phân bổ nhiều hơn vào trái phiếu và cho vay, với lợi suất trung bình khoảng 6,3% và 12,6%.

• Điều chỉnh lại cơ cấu cho vay theo lĩnh vực. Do hạn mức tín dụng hạn chế, ngân hàng mẹ ưu tiên giải ngân vào những khoản vay có lãi suất tốt hơn. Cụ thể, cho vay thẻ tín dụng tăng vọt 65,5% trong năm đạt 11,3 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 12,5% tổng dư nợ cho vay của ngân hàng. Chúng tôi cũng nhận thấy dư nợ cho vay mua nhà tăng thêm 7.479 tỷ đồng (+ 37,7%) trong năm 2019, trong đó phần lớn phát sinh trong Q3 (2.869 tỷ đồng) và Q4 (2.745 tỷ đồng). Ban lãnh đạo ngân hàng cho biết, kết quả này đến từ nhiều dự án cũng như cho vay mua nhà ở thị trường thứ cấp. Các khoản cho vay mua nhà trên thị trường thứ cấp chiếm khoảng 30% tổng dư nợ cho vay mua nhà của VPB.

Bên cạnh cho vay mua nhà, các lĩnh vực đóng góp lớn vào tăng trưởng tín dụng là cho vay hộ gia đình (+5,9 nghìn tỷ đồng hoặc +13,3% YoY); kinh doanh, sửa chữa xe máy & hàng tiêu dùng (+4,9 nghìn tỷ đồng hoặc +19,9% YoY), và bất động sản & xây dựng (+3,2 nghìn tỷ đồng hoặc + 8,3% YoY).

Thu nhập ròng từ phí tăng trưởng mạnh mẽ đạt + 64,8% YoY, vượt dự báo của chúng tôi, với mức tăng bất ngờ 93,7% trong Q4/2019. Thu nhập từ phí của ngân hàng mẹ bao gồm các dịch vụ thanh toán (24%), hoa hồng bảo hiểm (23%), dịch vụ thẻ tín dụng (28%) và các dịch vụ khác. Tất cả các mảng này đều có mức tăng trưởng vượt trội trong năm 2019 là +46,2% YoY, +41,3% YoY, +36,4% YoY và +62,9% YoY. Đà tăng trưởng tiếp tục đẩy mạnh trong Q4, với doanh thu từ dịch vụ bảo hiểm và phát hành UPAS L/C. Tỷ trọng thu nhập ròng từ phí trong TOI đã tăng lên 14,8% trong năm 2019, từ mức chỉ 2,3% trong năm 2015.

Thu nhập ròng từ phí và hoa hồng

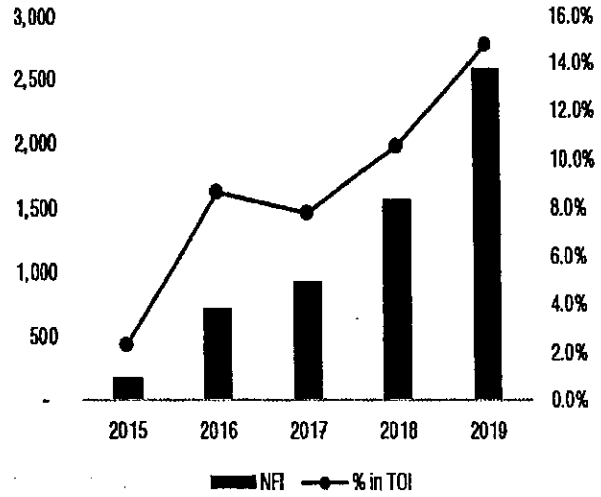

Nợ xấu và trái phiếu VAMC

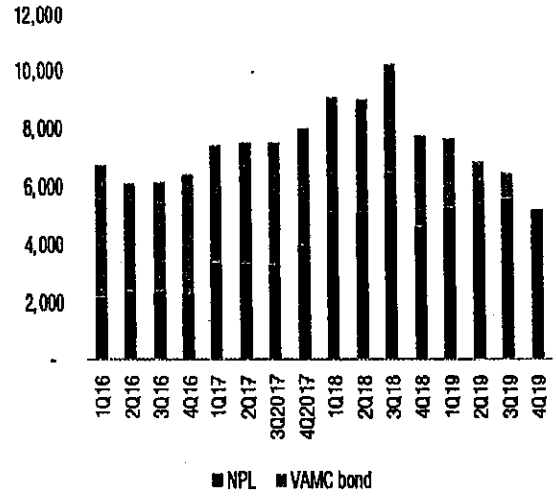

Nguồn: VPB, SSI Research

Chất lượng tài sản cải thiện trong năm 2019, trong đó tổng giá trị nợ xấu và trái phiếu VAMC giảm xuống từ 7,7 nghìn tỷ đồng (4,52%) vào đầu năm xuống còn 5,2 nghìn tỷ đồng (2,69%) vào cuối năm. Chúng tôi chỉ có một mối quan ngại nhỏ về chất lượng tài sản, vì lãi dự thu có dấu hiệu tăng trong quý 4 lên 4.452 tỷ đồng (từ 3.269 tỷ đồng vào cuối năm 2018 và 3.996 tỷ đồng vào cuối tháng 9/2019). Xét theo tỷ lệ, tỷ lệ lãi dự thu đã tăng từ 1,94% vào cuối năm 2018 lên 2,26% vào cuối năm 2019. Chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ xu hướng này.

Cơ cấu huy động cải thiện. Tỷ lệ đòn bẩy (nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu) của ngân hàng cải thiện từ 8,0 lần trong năm 2018 lên 7,5 lần vào năm 2019 khi lợi nhuận giữ lại tăng thêm 6,8 nghìn tỷ đồng, giúp CAR (Basel II) của riêng ngân hàng mẹ đạt 10% (so với 9,5% vào năm 2018). Ngoài ra, ngân hàng mẹ đã tăng cường nguồn vốn thông qua phát hành trái phiếu trung và dài hạn lên khoảng 27 nghìn tỷ đồng (+14.5% YoY), do đó giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn được sử dụng cho các khoản vay trung và dài hạn xuống 27,9% (so với 33,6% vào năm 2018 và mức trần 37% vào tháng 10/2020 theo quy định hiện hành). Điều này giúp VPB có thể đa dạng hóa nguồn vốn và linh hoạt hơn trong việc huy động vốn (ví dụ như sử dụng nhiều nguồn vốn ngắn hạn trong năm 2020 để tối ưu hóa chênh lệch lãi suất).

FeCredit – Thu từ nợ đã xử lý giảm làm ảnh hưởng đến kết quả chung

Bảng: Tóm tắt báo cáo kết quả kinh doanh (Tỷ đồng)

(tỷ đồng)	Q4/2019	Q4/2018	% YoY	2019	2018	% YoY
Thu nhập lãi ròng	4.652	3.607	29,0%	17.818	13.926	27,9%
Thu nhập ngoài lãi	233	1.159	-79,9%	998	2.239	-55,4%
Tổng thu nhập hoạt động	4.884	4.766	2,5%	18.816	16.165	16,4%
Chi phí hoạt động	-1.389	-1.053	31,9%	-5.688	-4.526	25,7%

CIR	28,4%	22,1%		30,2%	28,0%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-2.525	-1.880	34,3%	-8.640	-7.521	14,9%
Lợi nhuận trước thuế	971	1.833	-47,0%	4.488	4.118	9,0%
NIM	29,39%	29,06%		30,27%	27,92%	

Nguồn: FeCredit, SSI research

Bảng: Tóm tắt bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)

(tỷ đồng)	2019	2018	% YTD
Tổng tín dụng	60.594	53.270	13,7%
Trong đó: nợ vay tài chính tiêu dùng	60.594	49.944	21,3%
Tỷ lệ nợ xấu (VAS)	5,97%	5,98%	
Tỷ lệ nợ xấu (IFRS)	4,2%	4,5%	
LLC	37,1%	36,1%	

Nguồn: FeCredit, SSI research

Tăng trưởng tín dụng chậm lại do giới hạn về hạn mức tín dụng của cả năm. Tăng trưởng tín dụng của FeCredit đã đạt 13,1% YTD vào cuối quý 3/2019, gần chạm hạn mức 14% do Ngân hàng Nhà nước cấp. Do đó, kết quả kinh doanh Q4 của công ty đã được kỳ vọng trước là sẽ không thuận lợi bằng Q2 và Q3, khi tăng trưởng tín dụng theo quý lần lượt là + 6,7% QoQ và + 3,3% QoQ. Tính đến cuối năm 2019, tổng dư nợ tín dụng của FeCredit đạt 60.594 tỷ đồng (+ 13,7% YTD). Cơ cấu dư nợ cho vay chỉ có thay đổi nhỏ so với cuối 3Q, trong đó cho vay tiền mặt chiếm khoảng 76%, cho vay xe máy 8%, cho vay hàng điện máy 5% và thẻ tín dụng 11%. Do đó, chúng tôi cho rằng tỷ lệ cho vay tiền mặt với tổng dư nợ trên 20 triệu đồng (tính theo Thông tư 18) không có nhiều thay đổi so với lần công bố gần đây nhất vào đầu tháng 12 ở mức 59%.

Tăng chênh lệch lãi suất. NIM của FeCredit đã cải thiện đáng kể thêm +204 bps vào năm 2019, do kiểm soát tốt chi phí huy động, trong khi lãi suất cho vay bình quân đã phục hồi tốt. Chi phí huy động liên tục giảm từ 14% trong năm 2016 xuống còn 10,2% vào năm 2018 và giảm xuống còn 9,7% vào năm 2019. Ngoài xu hướng giảm lãi suất chung, lịch sử tín dụng tốt cũng đã giúp FeCredit huy động được với chi phí cạnh tranh hơn trong thời gian gần đây đặc biệt với các khoản vay nước ngoài. Trong khi đó, lãi suất cho vay trung bình tăng + 121 bps cùng với việc tăng tỷ trọng của các khoản vay thẻ tín dụng trong tổng dư nợ cho vay, từ 7% năm 2018 lên 11% vào năm 2019.

Thu từ nợ xấu đã xử lý giảm ảnh hưởng đến tăng trưởng lợi nhuận của FeCredit. Mặc dù NII đã tăng 29% YoY trong Q4 (lên 4,7 nghìn tỷ đồng) do NIM tăng 234 bps, lợi nhuận trước thuế của FeCredit vẫn giảm -47% YoY. Điều này là do thu từ nợ đã xử lý giảm, từ 1.463 tỷ đồng trong Q4/2018 xuống còn 225 tỷ đồng trong Q4/2019. Lũy kế 12 tháng, thu từ nợ đã xử lý giảm còn 900 tỷ đồng (so với 2,7 nghìn tỷ đồng trong năm 2018). Trong năm 2018, công ty đã thực hiện thí điểm bán một khoản nợ cho một công ty thu hồi nợ, do đó phát sinh thu nhập bất thường lớn. Từ năm 2019 trở đi, thu nhập từ hoàn nhập nợ xấu trở về mức bình thường.

Thu nhập từ xóa nợ và hoàn nhập nợ xấu của FeCredit

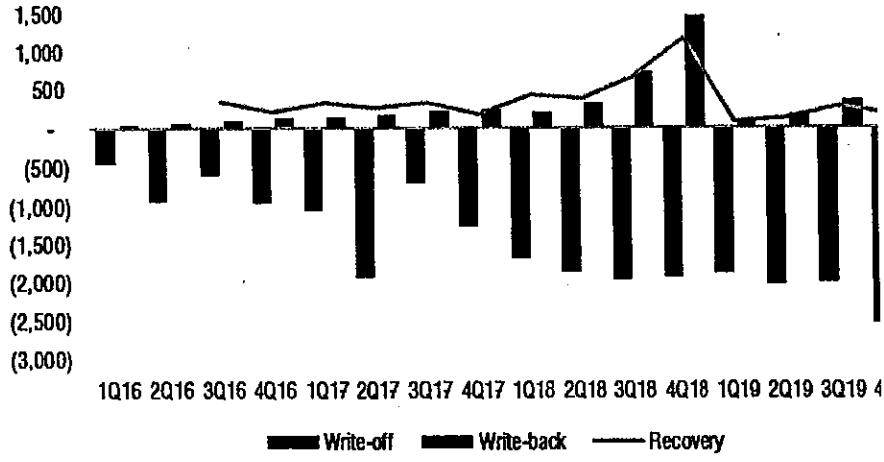

Nguồn: VPB, SSI Research

Chất lượng tài sản giảm nhẹ trong Q4 so với Q2 và Q3. Tỷ lệ nợ xấu trước và sau khi xóa nợ vào cuối quý 4 là 5,97% và 10,17%. Tỷ lệ này trong Q3 và Q2 là 5,61% / 8,92% và 5,35% / 8,82%. Theo ước tính của chúng tôi, các khoản nợ xấu trước khi xóa nợ đã chỉ tăng thêm 275 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2019, nhưng đã tăng thêm 579 tỷ đồng trong Q4/2019. Tuy nhiên, do tỷ lệ các khoản vay mà người vay không thanh toán trong lần trả nợ đầu tiên trong vòng 30 ngày sau khi đến hạn thanh toán (FPD30) hầu như không đổi so với các quý trước và ở dưới mức 2%, chúng tôi cho rằng vẫn còn quá sớm để đưa ra kết luận về chất lượng tài sản của công ty thực sự suy giảm.

Cập nhật khác

Sự kiện Novaland. Gần đây, Novaland đã gửi đơn thư giải trình lên Chính phủ xin hỗ trợ tiếp tục triển khai một dự án bị đình trệ ở Bình Khánh, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh để giảm các vấn đề về thanh khoản và khả năng thanh toán của công ty. Điều này đã dấy lên những lo ngại liên quan đến các chủ nợ của Novaland có thể chịu rủi ro gia tăng nợ xấu trong tương lai gần. Theo báo cáo tài chính gần nhất của Novaland, nợ vay tại VPB là khoảng 3,8 nghìn tỷ đồng. Tài sản thế chấp cho các khoản vay là cổ phiếu Novaland, khoản đầu tư của Novaland vào công ty con, công ty liên kết và quyền tài sản từ đền bù giải tỏa đất tại Q2. Các khoản vay này hiện đang được phân loại ở Nhóm 1 trong bảng cân đối kế toán của ngân hàng do Novaland vẫn đang trả nợ đúng hạn. Mặc dù chúng tôi cho rằng điều này có thể gây rủi ro cho chất lượng tài sản của VPB, hoặc ảnh hưởng đến hệ số CAR vì hệ số rủi ro áp dụng cho Novaland có thể điều chỉnh tăng để phản ánh rủi ro thanh toán tiềm ẩn, chúng tôi cho rằng tác động từ sự kiện này sẽ chưa phản ánh ngay vào lợi nhuận năm 2020.

Tác động của dịch virus corona. Để hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19, VPB sẽ hạ lãi suất cho vay khoảng 150 bps nếu doanh nghiệp đáp ứng một số điều kiện nhất định. Theo ngân hàng, tổng dư nợ cho vay ưu đãi sẽ không đáng kể (khoảng 1% tổng dư nợ vay). Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng vẫn còn quá sớm để đánh giá tác động chính xác của dịch bệnh này đến lợi nhuận của ngân hàng, cũng như khó có thể dự báo về nhu cầu đối với các sản phẩm tài chính tiêu dùng trong bối cảnh dịch bệnh.

Ước tính lợi nhuận

Năm 2020, SSI ước tính lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 12,8 nghìn tỷ đồng (+ 23,6% YoY), trong đó 7,6 nghìn tỷ đồng (+ 30,9% YoY) từ ngân hàng mẹ và 5,1 nghìn tỷ đồng (+14 % YoY) từ FeCredit. Ước tính này dựa trên những giả định sau đây.

Tăng trưởng tín dụng đạt 17% tại ngân hàng mẹ và 12,5% tại FeCredit. Trong báo cáo trước đây, chúng tôi giả định tăng trưởng tổng dư nợ cho vay năm 2020 của ngân hàng mẹ đạt 15%. Tuy nhiên, dựa trên mức tăng trưởng thực tế năm 2019 (+18,8%) và từ việc hoàn thành áp dụng 3 trụ cột của Basel II gần đây, chúng tôi nâng mức giả định lên 17%. Đối với FeCredit, chúng tôi áp dụng mức tăng trưởng tín dụng thận trọng hơn là 12,5% dựa trên ba lý do sau:

(i) Công ty vẫn đang trong quá trình tái cấu trúc danh mục sản phẩm của mình.

(ii) FeCredit chiếm một nửa quy mô của thị trường tài chính tiêu dùng tại Việt Nam. Chúng tôi nhận thấy Công ty có thể được cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng thấp hơn so với các công ty tài chính tiêu dùng có quy mô nhỏ hơn.

(iii) Virus Covid-19 có thể ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu đối các sản phẩm tài chính tiêu dùng.

NIM ước tính tăng 19 bps tại ngân hàng mẹ; giảm -110 bps tại FeCredit

SSI ước tính NIM của ngân hàng mẹ tăng dựa trên những lý do sau:

(i) Áp lực huy động vốn dài hạn giảm dần, vì tỷ lệ vốn ngắn hạn được sử dụng cho các khoản vay trung và dài hạn vào cuối năm 2019 là 27,9% (so với mức trần 37% áp dụng đến tháng 10/2020)

(ii) tỷ lệ LDR đạt 72,4% thấp hơn hạn mức quy định. Điều này cũng giúp ngân hàng giảm áp lực huy động tiền gửi. Do đó, chúng tôi giả định tăng trưởng tiền gửi khách hàng năm 2020 là 14% (so với tăng trưởng tín dụng 17%).

(iii) Ngân hàng sẽ tiếp tục nỗ lực phát triển phân khúc khách hàng cao cấp và củng cố CASA. Năm 2019, ngân hàng có khoảng 63.000 khách hàng cao cấp và CASA từ nhóm khách hàng này tăng + 46% YoY.

(iv) Về phía cho vay, chúng tôi cho rằng tỷ trọng dư nợ thẻ tín dụng trong tổng dư nợ cho vay có thể tiếp tục tăng, làm giảm thiểu tác động từ môi trường lãi suất giảm trong năm 2020 đến lợi suất tài sản trung bình.

Đối với FeCredit, chúng tôi giả định chi phí huy động không đổi và lợi suất cho vay giảm (-110 bps), cụ thể như sau:

Chi phí huy động: Các nguồn huy động của FeCredit năm 2019 (70,6 nghìn tỷ đồng) bao gồm các khoản vay nước ngoài (23%), các khoản vay trong nước (8%), trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi (43%), tiền gửi có kỳ hạn (4%) và vốn chủ sở hữu (18%). Trong đó, lãi suất (trước hedging) của các khoản vay nước ngoài dao động từ 4,9% đến 9%, và đối với trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi (với kỳ hạn trên 1 năm) là từ 8,04% đến 11,5%. Điều này dẫn đến chi phí huy động trung bình trong năm 2019 là 9,7%. Năm 2020, chúng tôi cho rằng FeCredit có thể phải phát hành thêm trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi (một lựa chọn ít thuận lợi hơn) để tài trợ cho hoạt động của mình, nhưng lợi suất của các công cụ này có thể giảm 30-50 bps. Nói chung, chi phí huy động trung bình ước tính hầu như không đổi so với năm 2019 ở mức khoảng 9,7%.

Lợi suất cho vay: FeCredit đang cân đối lại danh mục sản phẩm, chuyển trọng tâm mới sang thẻ tín dụng. Mặc dù vậy, các sản phẩm cho vay mua xe máy và điện máy vẫn duy trì là những sản phẩm để thu hút khách hàng mới, tạo điều kiện mở rộng dư nợ cho vay sau này. Hiện tại, FeCredit đang phát hành thẻ tín dụng cho những khách hàng vay để mua xe máy và điện máy. Đây là hai sản phẩm có ít lợi nhuận nhất của FeCredit khi cho vay mua xe máy đã đạt điểm bão hòa, còn cho vay mua điện máy chịu cạnh tranh gay gắt. Chúng tôi giả định rằng lợi suất cho vay của hai sản phẩm này sẽ giảm vào năm 2020.

Do đó, NII hợp nhất ước tính 34,5 nghìn tỷ đồng (+ 13% YoY).

Thu nhập ròng từ phí sẽ duy trì đà tăng trưởng. SSI tin rằng phân khúc khách hàng cao cấp và thẻ tín dụng vẫn sẽ là hai trụ cột để ngân hàng mẹ tiếp tục mở rộng thu nhập từ phí. Trong khi đó, tái cấu trúc sản phẩm trong FeCredit cũng hướng đến cơ cấu tăng thu nhập từ hoạt động dịch vụ. Vì thẻ tín dụng đóng vai trò quan trọng trong tổng dư nợ cho vay, công ty cũng có thể mở rộng đáng kể thu nhập từ phí liên quan đến dịch vụ thẻ tín dụng. SSI giả định rằng ngân hàng mẹ và FeCredit sẽ tăng trưởng 35% và 50% về thu nhập từ phí và hoa hồng trong năm 2020.

SSI giả định tỷ lệ CIR ổn định là 33% cho ngân hàng mẹ và 30,5% cho FeCredit. Năm 2019, tổng số nhân viên tại ngân hàng mẹ giảm -6,55%. Do đó, tăng trưởng chi phí nhân viên chỉ còn + 7,48% YoY. Vào năm 2020, SSI cho rằng ngân hàng không còn giảm nhân sự đáng kể và khả năng tăng CIR không còn nhiều. Chi phí hoạt động hợp nhất ước tính đạt 14,15 nghìn tỷ đồng (+ 15% YoY).

Chi phí dự phòng hợp nhất ước tính là 14,2 nghìn tỷ đồng, chỉ tăng 4,1% YoY, do đã tất toán hết trái phiếu VAMC trong năm 2019.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Tóm tắt thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
- Tên tiếng anh : SSI Securities Corporation
- Tên viết tắt : SSI
- Vốn điều lệ : 5.200.636.840.000 VNĐ
- Giấy phép thành lập và hoạt động : số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/04/2000 và các giấy phép điều chỉnh
- Trụ sở chính : 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +84 28 38242897
- Fax : +84 28 38242997
- Website : www.ssi.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
  - Kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán
  - Tự doanh chứng khoán
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán

2. Quá trình hình thành phát triển

1999 - 2002

- **30/12/1999**: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ;
- **07/2001**: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán;
- **07/2002**: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.

2003 - 2005	• **06/2005:** SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán, và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán.
2006 - 2008	• **11/2006:** Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường; • **12/2006**: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội); • **08/2007**: Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập; • **10/2007**: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh); • **04/2008**: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ; • **06/2008**: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI.
2009 - 2011	• **07/2009**: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài; • **05/2010**: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ.
2012 - 2014	• **03/2013**: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ.

2015 - 2017

- **04/2015**: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo: đợt 1 vào tháng 01/2015 với tổng giá trị 500 tỷ VNĐ và đợt 2 vào tháng 04/2015 với tổng giá trị là 300 tỷ VNĐ;
- **09/2015**: SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ;
- **01/2017**: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ;
- 04/2017: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp vào tháng 01/2017 và tháng 04/2017 với tổng giá trị mỗi đợt đạt 300 tỷ VNĐ;
- 05/2017: SSI được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

  Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh.

2018 - 2020

- **02/2018**: SSI phát hành thành công 1.150 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 4%/năm;
- **12/2018**: SSI kỷ niệm 18 năm thành lập và chính thức đổi tên công ty thành "Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI", thống nhất tên gọi công ty với tên viết tắt và mã chứng khoán phát hành trên thị trường;
- **06/2019**: SSI chính thức nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm;
- **01/2020**: SSI tăng vốn điều lệ lên **5.200.636.840.000 VNĐ.**

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Hình 1: Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

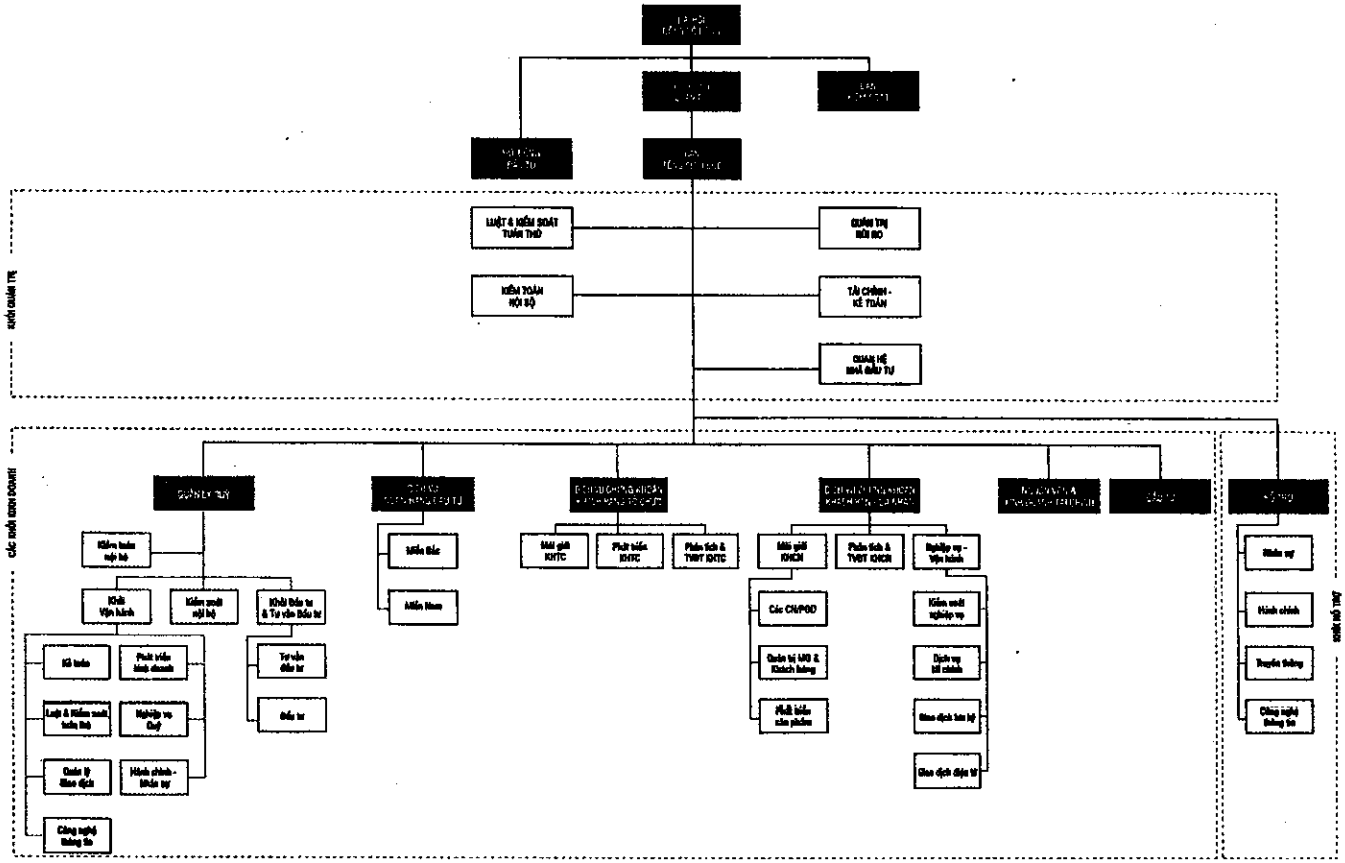

Nguồn: SSI

4. Cơ cấu sở hữu

Hình 2: Sơ đồ tỷ lệ sở hữu của SSI tại các công ty con, công ty liên kết tại ngày 31/12/2019

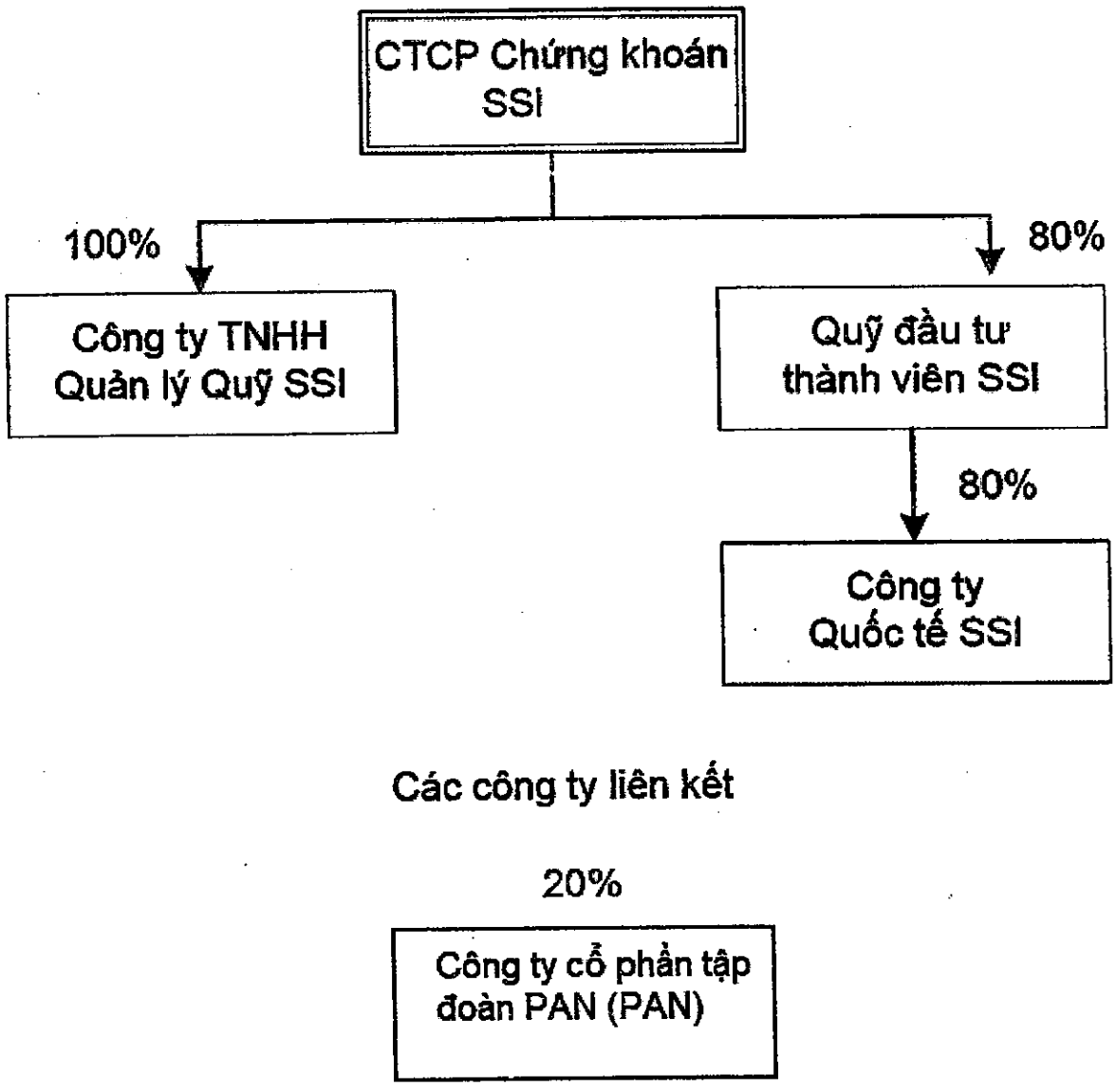

Nguồn: SSI

Ghi chú: Tỷ lệ sở hữu đối với các công ty liên kết ở trên căn cứ tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (đầu tư qua công ty con) của SSI

5. Cổ đông lớn và Người có liên quan của Cổ đông lớn đồng thời là người nội bộ của TCPH

- Tỷ lệ sở hữu của Cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
A. Cổ đông nhà nước							
					-	-	-
Tổng Cộng A					-	-	-
B. Cổ đông lớn							
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	0104285751	30/10/2014	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	48.194.727	9,45%	-
	Đại diện: Nguyễn Duy Hưng	220895567	20/06/2009	Số 54 ngõ 61/17 Đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	48.194.727	9,45%	-
2	Daiwa Securities Group Incorporation	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	101.978.121	19,99%	-
	Đại diện: Hironori Oka	TH1551742	08/09/2006	Căn hộ số 3405, Khu căn hộ Pacific Place, Pacific Place 88 Queensway, Hồng Kông	101.978.121	19,99%	-
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	0312490624	04/10/2013	236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	30.454.063	5,97%	-
	Đại diện: Hà Thị Thanh Vân	024100737	02/03/2004	Nhà D8, Số 60 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	30.454.063	5,97%	-
Tổng Cộng B					**180.626.911**	**35,41%**	-
C. Cổ đông chiến lược							
1	Daiwa Securities Group Incorporation Đại diện: Hironori Oka	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	101.978.121	19,99%	-
Tổng Cộng C					101.978.121	19,99%	-
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)							

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
					-	-	-
					-	-	-
Tổng Cộng D					-	-	-
Tổng Cộng (A+B+C+D)					**180.626.911**	**34,73%**	-

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 510.063.684 cổ phiếu

Danh sách công ty mẹ - con, công ty có quyền kiểm soát, chi phối: SSI là công ty mẹ, sở hữu trực tiếp 100% công ty con là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), ngoài ra còn sở hữu gián tiếp Công ty Quốc tế SSI thông qua Quỹ Thành viên SSI (SSI IMF) như Cơ cấu sở hữu tại Mục V.4

- Ban điều hành: Ban điều hành công ty gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các giám đốc phụ trách chuyên môn giúp việc.

Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	1962
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	1967

Thông tin thêm về Ban điều hành vui lòng xem tại Mục V 9 dưới đây.

- Danh sách Người có liên quan của Công ty theo Công bố thông tin gần nhất.

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization / individual*	Chức vụ tại công ty/Mối quan hệ với công ty *Position at the company / Relations with the company*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Commencement date as related person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *End date as non-related person*	Lý do *Reasons*
A	CÁ NHÂN *INDIVIDUALS*				
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ *Chairman of Board cum CEO*	01/11/1999		Giấy phép thành lập doanh nghiệp ngày 30/12/1999
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ, Người được uỷ quyền CBTT *Board member, Deputy CEO, Authorized person to disclose information*	01/11/1999		Giấy phép thành lập doanh nghiệp ngày 30/12/1999
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT *Board member*	21/4/2017		Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-

					ĐHĐCĐ
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT *Board member*	25/4/2014	25/4/2019	Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ
5	Hironori Oka	Thành viên HĐQT *Board member*	23/4/2015		Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ
6	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT *Board member*	23/4/2015		Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ
7	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT *Board member*	25/4/2019		Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ
8	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS *Head of Supervisory Board*	25/4/2016		Theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ
9	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS *Supervisory Board member*	23/4/2015		Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ
10	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính *Chief Finance Officer*	09/5/2005		
11	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng *Chief Accountant*	24/3/2009		
12	Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS *Supervisory Board member*	20/04/2018		Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ
B	**TỔ CHỨC / *ORGANIZATION***				
1	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI *SSI Asset Management (SSIAM)*	Công ty con SSI sở hữu 100% *SSI 100% owned subsidiary*	03/8/2007		
2	Quỹ đầu tư thành viên SSI (SSI IMF) *SSI Investment Member Funds*	Công ty con SSI sở hữu 80% *SSI 80% owned subsidiary*	27/7/2010		
3	Công ty Quốc tế SSI *SSI International Company*	80% sở hữu gián tiếp thông qua SSI IMF *80% indirect ownership through SSI IMF*	27/8/2009		
4	Công ty TNHH Đầu tư NDH *NDH Invest Company Limited*	Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ SSI *Major shareholder of SSI; owner and Chairman of NDH is Board Chairman and CEO of SSI* Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy	06/1/2015		

		Khánh đồng thời là TGĐ NDH *Board Member of SSI, Nguyen Duy Khanh, is General Director of NDH*			
5	Daiwa Securities Group Inc.	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ trên 10% vốn có quyền biểu quyết của SSI *Strategic shareholder holding more than 10% of outstanding shares*	30/7/2015		
6	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh *Sai Gon Dan Linh Real Estate Company Limited*	TV HĐQT kiêm Phó TGĐ SSI là Chủ tịch HĐTV Sài Gòn Đan Linh *Board member cum Deputy CEO of SSI is Board Chairman of Sai Gon Dan Linh Real Estate Co., Ltd*	22/9/2014		
7	Công ty CP Tập đoàn PAN *The PAN Group Joint Stock Company*	Chủ tịch HĐQT PAN là Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ SSI *The Board Chairman of PAN is concurrently the Board Chairman cum CEO of SSI* Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là TV HĐQT PAN *Board Member of SSI, Nguyen Duy Khanh is Board Member of SSI*	31/8/2005		
8	QUỸ ETF SSIAM VNX50 *(SSIAM VNX50 ETF)*	Ông Nguyễn Duy Hưng, Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Chứng khoán SSI đồng thời là Chủ tịch HĐQT SSIAM, công ty quản lý Quỹ ETF SSIAM VNX50	10/12/2014		

- Thông tin về Nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

Ông Đặng Mạnh Cường - Giám Đốc Quản Trị Rủi Ro
Ông Đặng Mạnh Cường có kinh nghiệm 11 năm làm trong lĩnh vực chứng khoán trong đó có 8 năm đảm nhiệm vị trí Giám Đốc Quản Trị Rủi Ro. Ông Cường đã trang bị một nền tảng kiến thức chuyên môn sâu về Tài chính, Quản trị Rủi ro và Công nghệ Thông tin để phục vụ cho công việc, cụ thể là Bằng Kỹ sư Công nghệ Thông tin, Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế, Chứng chỉ Quản trị Rủi ro quốc tế FRM, chứng chỉ hành nghề Phân tích Tài chính của UBCK Nhà nước. Trong suốt quá trình làm việc của mình ông luôn thể hiện sự chuyên nghiệp và công tâm trong công việc và được tổ chức cũng như đồng nghiệp tín nhiệm cao.

Ông Lê Thanh Việt Hoàng – Trưởng phòng
Ông Lê Thanh Việt Hoàng có 8 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính, chứng khoán, ngân hàng. Tại SSI, ông Hoàng phụ trách về mảng quản trị rủi ro về thanh khoản và thị trường. Trong quá trình công tác, ông Hoàng đã thể hiện tinh thần làm việc chuyên nghiệp và đã hoàn thành tốt các mảng công việc phụ trách, kịp thời đưa ra các cảnh báo rủi ro và được sự tin tưởng và tín nhiệm cao từ lãnh đạo và đồng nghiệp. Ông Việt Hoàng tốt nghiệp MBA loại giỏi tại đại học KU Leuven tại Vương quốc Bỉ, tốt nghiệp loại xuất sắc chuyên ngành tài chính, ngân hàng tại đại học University of London. Vào 2014, ông Việt Hoàng đã có chứng chỉ quốc tế CFA.

6. Mạng lưới hoạt động

PHÍA BẮC

- **Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội**

  Địa chỉ: 1C Ngô Quyền quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- **Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh**

  Địa chỉ: tầng 8, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

- **Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo**

  Địa chỉ: tầng 10, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- **Phòng giao dịch Lê Văn Lương**

  Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Star City, số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

- **Chi nhánh Mỹ Đình**

  Địa chỉ: Tầng G, tòa nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

- **Chi nhánh Hải Phòng**

  Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

- **Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI**

  Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

PHÍA NAM

- **Trụ sở chính**

  Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- **Chi nhánh Nguyễn Công Trứ**

  Địa chỉ: 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- **Phòng giao dịch Nguyễn Văn Cừ**

  Địa chỉ: 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- **Chi nhánh Vũng Tàu**

  Địa chỉ: 4 Lê Lợi, TP. Vũng Tàu

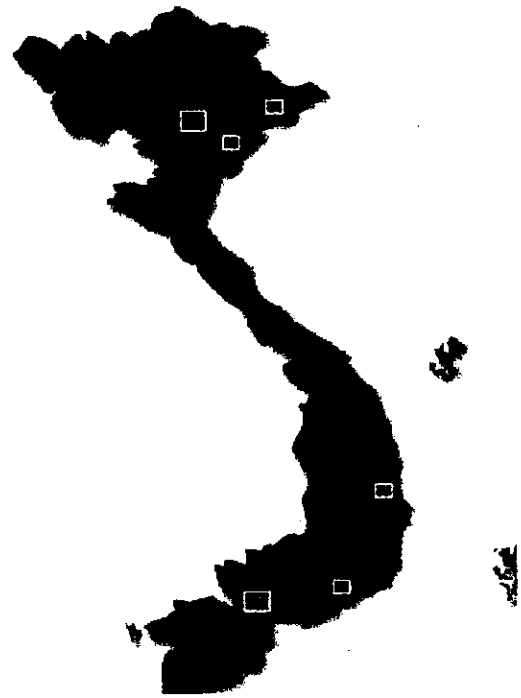

- **Phòng giao dịch Lê Lợi**

  Địa chỉ: Phòng số 03, Tầng 18, Tòa nhà Saigon Centre, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- **Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai**

  Địa chỉ: 6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- **Phòng giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh**

  Địa chỉ: 92 Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

- **Phòng giao dịch Cách Mạng Tháng Tám**

  Địa chỉ: 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

- **Chi nhánh Nha Trang**

  Địa chỉ: 50 Lê Thanh Phương, TP. Nha Trang

7. Quy mô nhân sự

Qua 20 năm hình thành và phát triển, con người SSI luôn mang trong mình niềm tin, sự tự hào và sứ mệnh tiên phong cùng nhau xây dựng và kiến tạo một SSI lớn mạnh, minh bạch với trung tâm là sự phát triển của đội ngũ - nền tảng vững bền để thương hiệu SSI trở thành biểu tượng trên TTCK trong nước và khu vực.

Đội ngũ SSI không ngừng tăng trưởng qua từng năm xét trên cả khía cạnh gia tăng về quy mô nhân sự và phát triển chiều sâu trong công tác quản trị. Tính đến hết tháng 12/2019, số lượng nhân sự SSI đạt gần 1000 người, tăng hơn 150 lần so với ngày đầu thành lập, và các Khối Kinh doanh chiếm 80% toàn nguồn lực SSI.

Năm 2019, Công ty tuyển mới 207 nhân sự với độ tuổi chủ yếu dưới 30 tuổi, được đào tạo bài bản với tỷ lệ 86,7% đại học và 11,0% sau đại học.

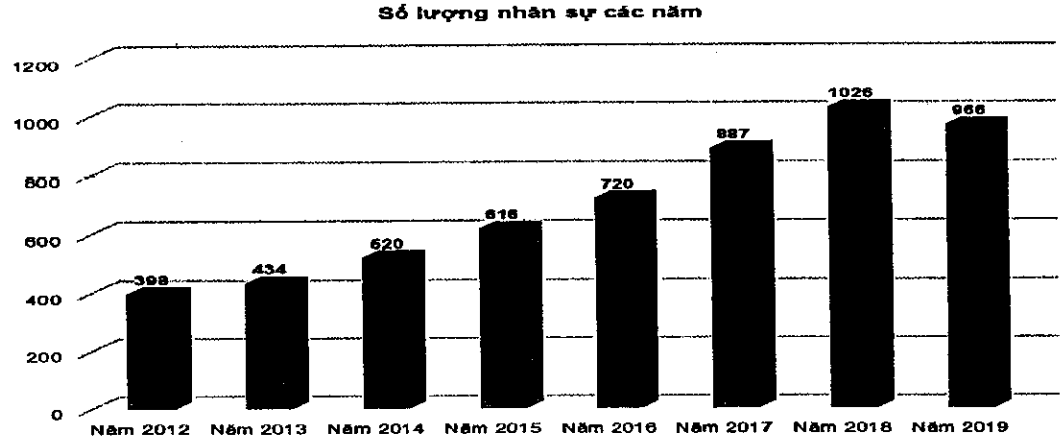

Nguồn: SSI

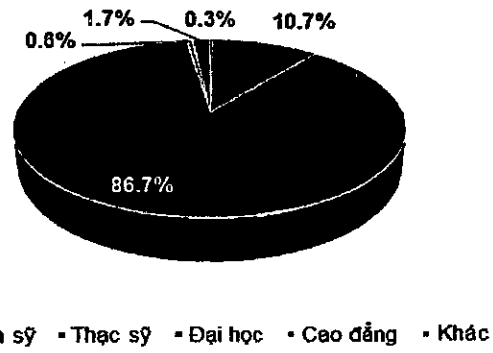

8. Công nghệ ứng dụng

SSI là công ty chứng khoán có hệ thống công nghệ thông tin giao dịch hàng đầu Việt Nam, một trong những yếu tố đảm bảo bộ máy công ty vận hành an toàn, bảo mật cho cả khách hàng và bản thân công ty. Qua mỗi năm, SSI liên tục triển khai nâng cấp hệ thống, gần đây nhất là nâng cấp hệ thống tường lửa lên thế hệ mới nhất đảm bảo an toàn cho hệ thống giao dịch. Các hệ thống quản trị nội bộ cũng được phát triển để tiến tới tự động hóa các khâu nghiệp vụ, nâng cao quản trị rủi ro cho doanh nghiệp. Hệ thống công nghệ thông tin được áp dụng tại SSI có nhiều điểm vượt trội so với các công ty nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng.

STT	Tên ứng dụng	Hãng sản xuất	Chức năng, điểm vượt trội
1. Hỗ trợ giao dịch			
a)	Hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán	**AFE**	Bên cạnh hệ thống chạy chính, SSI đã đầu tư hệ thống phòng chống thảm họa cho hệ thống giao dịch. Khi có sự cố không lường trước như thiên tai, cháy nổ xảy ra, hệ thống dự phòng sẽ được kích hoạt. Hạn chế tối đa ảnh hưởng khi xảy ra thảm họa.
b)	Hệ thống mạng	**Cisco**	Sử dụng core switch và router giúp hệ thống mạng hoạt động ổn định khả năng chịu lỗi cao. Đường truyền tốc độ cao, sử dụng dịch vụ các nhà cung cấp khác nhau đảm bảo khả năng dự phòng khi một đường truyền gặp sự cố.
c)	Hệ thống bảo mật	**Checkpoint**	Quản lý bảo mật tập trung với nhiều lớp bảo mật. Đảm bảo chính sách an ninh được quản lý đồng nhất trên toàn hệ thống.
d)	Hệ thống quản lý dịch vụ hỗ trợ công nghệ thông tin- Service Desk	**ZoHo**	Hệ thống quản lý yêu cầu tập trung áp dụng theo tiêu chuẩn ITIL, đảm bảo chất lượng theo cam kết chất lượng dịch vụ (SLA)
e)	Webtrading		- Cho phép giao dịch cổ phiếu sàn UPCOM trên hệ thống giao dịch trực tuyến. - Giao diện tiếng Nhật cho Webtrading và Mobile Trading. - Bổ sung tính năng đặt lệnh qua đêm, trạng thái lệnh nhanh, nhóm tính năng Hủy, sửa lệnh.

STT	Tên ứng dụng	Hãng sản xuất	Chức năng, điểm vượt trội
2. Quản trị dữ liệu			
a)	Hệ thống quản lý trung tâm dữ liệu	**Opt Manager**	Hệ thống giám sát hạ tầng tập trung, quản lý hiệu năng và đưa ra cảnh bảo bằng email và sms ngay khi thiết bị có sự cố.
		APC	Hệ thống làm lạnh, quản lý nhiệt độ, độ ẩm trung tâm dữ liệu, phòng chống cháy nổ bằng khí nito.
b)	Hệ thống máy chủ, lưu trữ dữ liệu	**IBM, HP, SUN, DELL**	Sử dụng dòng máy chủ unix đồng bộ hiệu suất cao như IBM pSeries, Oracle Sun T5-2 cho các hệ thống lớn. Ngoài ra SSI sử dụng công nghệ ảo hóa Hyper-V, Vmware giúp tối ưu tài nguyên sử dụng và cấp phát nhanh chóng dễ dàng.
c)	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu, Oracle Database & DB2	**Oracle, IBM, SQL Server**	SSI hiện đang sử dụng Oracle Database, IBM DB2 để lưu trữ dữ liệu các hệ thống lớn như hệ thống giao dịch hay ERP. Oracle Database và IBM DB2 là hệ quản trị cơ sở dữ liệu hàng đầu thế giới, cung cấp tính năng lưu trữ an toàn, bảo mật, tính sẵn sàng và hiệu năng sử dụng cao.
3. Hỗ trợ và quản trị nội bộ			
a)	Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp, Oracle E-Business Suite	**Oracle**	Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) hàng đầu thế giới. SSI đang sử dụng các phân hệ Financial, Purchasing, Order Management, Treasury. Quản lý hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt cung cấp nhanh báo cáo quản trị giúp ban giám đốc ra quyết định kịp thời.
b)	Hệ thống quản lý thông tin nội bộ, Microsoft Sharepoint	**Microsoft**	Thông tin nội bộ qua hệ thống sharepoint giúp quản lý dễ dàng và chia sẻ nhanh chóng chính sách của công ty tới toàn bộ các cán bộ nhân viên.
c)	Hệ thống phần mềm quản lý nhân sự iHRP	**FPT**	Quản lý thông tin nhân viên, chế độ lương bổng đãi ngộ và đào tạo giúp công ty luôn có nguồn lực chất lượng cao nhất.
4. Các hệ thống hỗ trợ khác			
a)	Hệ thống ảo hóa Hyper-	**IBM, EMC,**	- Cho phép khởi tạo hệ thống máy chủ linh hoạt

STT	Tên ứng dụng	Hãng sản xuất	Chức năng, điểm vượt trội
	V2012, VMware	**Sun**	trên nền tảng ảo hóa của Microsoft, vmware
b)	Hệ thống ứng dụng an ninh bảo mật dữ liệu	**MCafee**	- Kiểm soát tập trung antivirus trên toàn hệ thống - Kiểm soát và chống thất thoát dữ liệu của doanh nghiệp
c)	Hệ thống phòng chống tấn công từ chối dịch vụ DDoS	**Arbor**	- Kiểm soát và phát hiện tấn công trái phép từ bên ngoài vào hệ thống giao dịch trực tuyến của SSI - Phòng chống và giảm thiểu thiệt hại do tấn công từ chối dịch vụ DDOS nếu có xảy ra với SSI.
d)	Hệ thống UPS thế hệ mới cho Data Center	**APC SYMMETRA PX 2**	- Đảm bảo các nguồn điện dự phòng chạy song song cho Data Center
e)	Hệ thống Wifi meraki	**Cisco**	- Cho phép quản trị tập trung - Cloud cho hệ thống wifi trên toàn SSI.

9: Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng

Bảng 1: Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

TT	Tên	Chức vụ	Năm sinh
Hội đồng Quản trị			
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	1962
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành Viên HĐQT	1967
3	Ông Hironori Oka	Thành viên HĐQT	
4	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	1991
5	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT Độc lập	
6	Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT Độc Lập	1951
Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	1962
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	1967
Ban Kiểm soát			
1	Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	1967
2	Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	1967
3	Bà Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	
Kế toán trưởng			

1	Bà Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	

9.1 Hội đồng Quản trị

a. Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Ông Nguyễn Duy Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN - Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao

b. Ông Nguyễn Hồng Nam – Thành Viên HĐQT

Thành Viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc; Người được ủy quyền công bố thông tin. Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.

c. Ông Hironori Oka – Thành Viên HĐQT

Ông Hironori Oka đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán với nhiều vị trí tại các quốc gia như Nhật Bản, Hồng Kông, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại Tập đoàn Daiwa và bắt đầu đảm nhiệm các nhiệm vụ, trọng trách là người đứng đầu từ năm 1994. Hiện nay, ông Oka giữ vị trí Giám đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng giám đốc Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.

d. Ông Nguyễn Duy Khánh – Thành Viên HĐQT

Thành Viên HĐQT Ông Khánh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính, Đại học The George Washington, Hoa Kỳ. Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người giúp sáng lập SSI International Corp. và có đóng góp nhiều vào những thành công của SSI International Corp.

e. Ông Phạm Viết Muôn – Thành Viên HĐQT Độc Lập

Ông Muôn đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE). Trước đó, ông nguyên là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp.

f. Ông Ngô Văn Điểm – Thành Viên HĐQT Độc Lập

Ông Điểm có kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp

trong các cơ quan của Chính phủ. Ông Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức

9.2 Ban Tổng Giám Đốc

a. Ông Nguyễn Duy Hưng – Tổng Giám Đốc

Vui lòng xem thông tin về Ông Nguyễn Duy Hưng – Tổng Giám Đốc được nêu tại phần giới thiệu Hội đồng Quản trị phía trên đây.

b. Ông Nguyễn Hồng Nam – Phó Tổng Giám Đốc

Vui lòng xem thông tin về Ông Nguyễn Hồng Nam – Phó Tổng Giám Đốc được nêu tại phần giới thiệu Hội đồng Quản trị phía trên đây.

9.3 Ban Kiểm soát

a. Ông Nguyễn Văn Khải – Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông Khải tham gia vào Ban Kiểm Soát (BKS) SSI từ năm 1999 và liên tục được tín nhiệm bầu là Trưởng BKS qua các nhiệm kỳ. Ông Khải là người có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp và hiện là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN, một công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm đóng gói chất lượng cao.

b. Ông Đặng Phong Lưu – Thành viên Ban Kiểm Soát

Ông Lưu trở thành thành viên BKS SSI từ năm 2005. Ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Chi Nhánh Tân Bình - Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB). Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ông tốt nghiệp Đại Học Ngân Hàng, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông hiện điều hành doanh nghiệp do mình thành lập là Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Bảo với chức danh Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.

c. Bà Lê Cẩm Bình – Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Bình trở thành thành viên BKS từ năm 2018. Bà Bình có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán – Tài chính.

THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh tại SSI được chia thành 4 mảng kinh doanh chính:

- Dịch vụ chứng khoán
- Dịch vụ Ngân hàng đầu tư
- Quản lý quỹ
- Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính

Trên cơ sở Dịch vụ chứng khoán là nền tảng, các mảng kinh doanh vừa hoạt động độc lập, vừa tích cực hỗ trợ lẫn nhau, cung cấp cho khách hàng sản phẩm đa dạng, phong phú và trọn gói, gia tăng tính cạnh tranh của SSI. Một trong những lợi thế rất lớn của SSI so với các công ty chứng khoán khác là các mảng kinh doanh phát triển mạnh đồng đều và vững chắc, có uy tín trong ngành.

1.1. Dịch vụ chứng khoán

Dịch vụ chứng khoán do SSI cung cấp các dịch vụ chính sau đây:

- Sản phẩm, dịch vụ cơ bản đối với chứng khoán niêm yết như: mở tài khoản giao dịch, môi giới, giao dịch lệnh, thanh toán tiền, lưu ký chứng khoán, giao dịch OTC, và phân phối chứng chỉ quỹ mở;
- Dịch vụ IPO: đại lý đấu giá/ IPO, tư vấn đấu giá cổ phần, hỗ trợ đăng ký danh sách đấu giá;
- Dịch vụ hỗ trợ vốn: Ứng trước tiền bán, giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;
- Sản phẩm Dịch vụ giao dịch điện tử: Smart Trading, Web Trading, Contact Center, SMS, Pro Trading, Home Mobile Trading;
- Sản phẩm Tư vấn đầu tư: Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;
- Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp: Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài.

Đây là lĩnh vực hoạt động chính của SSI và đã nhiều năm liên tiếp được nhận giải thưởng "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" do FinanceAsia trao tặng,"Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam" do The Asset trao tặng, "Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ môi giới", "Công ty tốt nhất Việt Nam về thực hiện giao dịch",

"Công ty tốt nhất Việt Nam về tổ chức hội thảo giới thiệu Cơ hội đầu tư và Gặp gỡ doanh nghiệp" do Asiamoney's Brokers Poll bình chọn.

Tăng trưởng thị phần:

Năm 2019 đánh dấu năm thứ 6 liên tiếp SSI đứng đầu về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (CCQ). Cụ thể, thị phần đạt 13,96% tại HOSE và 9,7% tại HNX. Tính chung trên 2 Sở Giao dịch Chứng khoán, thị phần SSI năm 2019 đạt 13,31%. Riêng thị phần đối với mảng môi giới cá nhân đạt 9,61% năm 2019, chiếm 72,2% thị phần chung của SSI.

Hình 3: Thị phần trên toàn thị trường

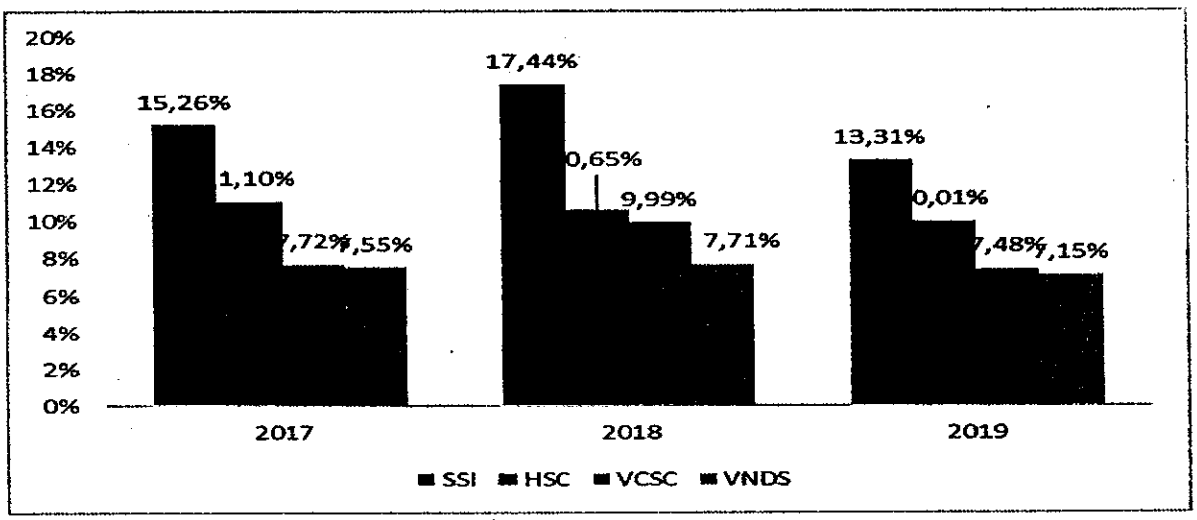

Nguồn: SSI

Tăng trưởng số lượng tài khoản quản lý

Số lượng tài khoản mở mới được duy trì ở mức cao, đạt 14.417 tài khoản cuối năm 2019, nâng tổng số tài khoản quản lý lên trên 166.000 tài khoản, tăng trưởng 10% so với năm 2018.

Dư nợ margin được duy trì ổn định so với giá trị giao dịch thị trường

Nếu như năm 2018 giá trị giao dịch thị trường đạt mức cao trên 6.500 tỷ VNĐ/phiên thì sang năm 2019, thị trường đã giảm mạnh chỉ còn quanh mức 4.600 tỷ VNĐ/phiên, giảm hơn 30%. SSI vẫn duy trì được mức dư nợ mức cao, đạt 5.359 tỷ VNĐ tại thời điểm cuối năm 2019, hỗ trợ tài chính hiệu quả tới nhà đầu tư, đồng thời có đóng góp không nhỏ vào doanh thu của Công ty trong năm.

Hình 4: Dư nợ ký quỹ bình quân tại SSI (tỷ đồng)

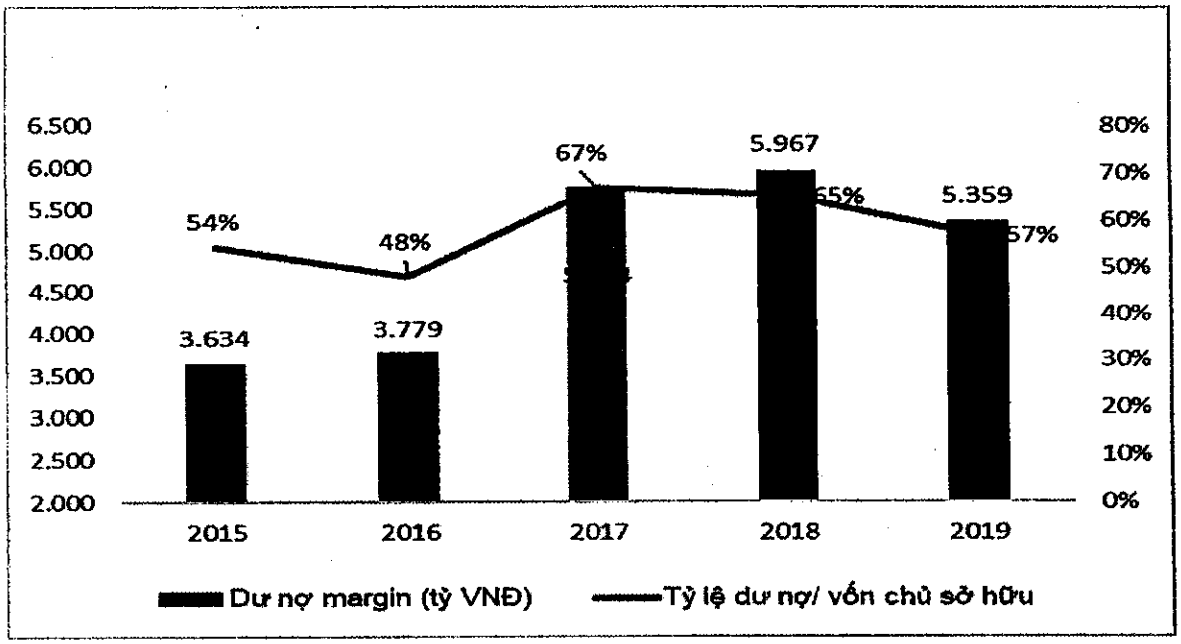

Nguồn: SSI

Đa dạng các sản phẩm cho Nhà đầu tư

Dấu ấn tích cực trong năm 2019 chính là việc đưa sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm (CW) đi vào hoạt động giúp nhà đầu tư có thêm lựa chọn, thúc đẩy hoạt động giao dịch trên thị trường cổ phiếu. SSI là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được cấp phép phát hành chứng quyền, đồng thời cũng là 1 trong 2 công ty triển khai IPO chứng quyền qua công cụ giao dịch trực tuyến. Công ty đã phát hành 24 triệu chứng quyền – tương đương 44% toàn thị trường về tổng giá trị phát hành, với giá trị giao dịch hàng ngày chiếm 65% giá trị giao dịch chứng quyền toàn thị trường tại thời điểm cuối năm 2019.

Trong điều kiện thị trường cơ sở không được thuận lợi, SSI chủ động tiên phong trong việc cung cấp các sản phẩm mới, mở rộng cơ hội đầu tư cho khách hàng bên cạnh kênh đầu tư truyền thống là cổ phiếu. Năm 2019 đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ trong việc bán đa dạng nhiều sản phẩm, trong đó bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, các sản phẩm bán chéo với Công ty Quản lý Quỹ SSIAM như chứng chỉ quỹ, ủy thác danh mục v.v... Nổi bật là hoạt động phân phối thành công trái phiếu doanh nghiệp như trái phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (HOSE - GEC), Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (HOSE – AST), Công ty Cổ phần Con Cưng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (HOSE - DXG), Công ty Cổ phần Đạt Phương (HOSE – DPG), thu hút sự quan tâm của nhiều khách hàng tiềm năng trên thị trường. Bên cạnh phân phối trái phiếu sơ cấp, SSI cũng cung cấp các giao dịch mua/bán trái phiếu doanh nghiệp

thứ cấp bằng việc ra mắt trái phiếu S-Bond trong quý 3/2019, nâng thanh khoản cho các trái phiếu doanh nghiệp như Công ty Cổ phần Eurowindow Holding, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (HOSE – AST), Công ty Cổ phần Con Cưng, bước đầu tạo ra một nơi giao dịch an toàn chủ động về trái phiếu doanh nghiệp cho các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trên thị trường. SSI cũng tiếp tục nghiên cứu, phát triển và đưa ra các sản phẩm, dịch vụ mới, cập nhật và nhiều tiện ích hỗ trợ trên các sản phẩm và công cụ giao dịch hiện có như:

Bảng giá thông minh iBoard: cho phép khách hàng vừa theo dõi thị trường, vừa đặt lệnh giao dịch, đồng thời tích hợp nhiều sản phẩm như cổ phiếu, phái sinh, chứng quyền, chứng chỉ quỹ, giúp khách hàng dễ dàng theo dõi và đặt lệnh giao dịch các sản phẩm này trên cùng 1 màn hình. Nhiều cơ chế đặt lệnh khác nhau cũng được phát triển. Thông tin hiển thị đa tầng, tùy biến danh mục theo dõi và đặc biệt là có chức năng quản lý cảnh báo giúp khách hàng không bỏ lỡ cơ hội bán ra – mua vào.

Hệ thống giao dịch Online Web Trading - Chức năng đặt lệnh 1 Click Phái sinh: cho phép khách hàng "ghi" lại thao tác thiết lập lệnh mua/bán các hợp đồng 1 lần duy nhất, sau đó có thể sao chép lại các thiết lập này cho các lệnh tiếp theo, cắt giảm hết các khâu xác nhận trung gian giúp khách hàng tận dụng tối đa thời gian khớp lệnh – yếu tố quan trọng đối với sự thành công của mỗi giao dịch trên thị trường phái sinh.

Nền tảng giao dịch chứng khoán giả lập tiên phong trên thị trường iWin: môi trường hoàn hảo để nhà đầu tư thử nghiệm chiến lược và làm quen với TTCK. iWin sử dụng dữ liệu thị trường thật đồng nhất với thực tế (realtime), lệnh đặt sẽ khớp cùng với mức giá và khối lượng thị trường thật đang khớp. Việc tích hợp cả chứng khoán cơ sở và phái sinh cũng là cách giúp nhà đầu tư lựa chọn và thử sản phẩm phù hợp với khẩu vị đầu tư của mình. Một điểm nổi bật khác của iWin đó là cho phép nhà đầu tư "theo dõi" chiến lược giao dịch của người khác, từ đó có thể học hỏi phương pháp đầu tư, tích lũy kiến thức cũng như kinh nghiệm giao dịch. Khi đã thử nghiệm phương pháp giao dịch thành công và tự tin với TTCK, iWin cũng cho phép nhà đầu tư chuyển đổi dễ dàng sang tài khoản chứng khoán thật, bắt đầu quá trình đầu tư thực sự. SSI cũng hướng tới việc xây dựng iWin trở thành một cộng đồng uy tín, để kết nối, chia sẻ kiến thức cũng như kinh nghiệm giữa các nhà đầu tư

Đối với mảng Khách hàng Tổ chức, SSI tiếp tục tăng cường mở rộng mạng lưới đối tác toàn cầu thông qua các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng quốc tế để cung cấp thông tin về thị trường, cũng như giới thiệu nhiều cơ hội đầu tư cho Khách hàng quốc tế. Chỉ riêng trong năm 2019, SSI đã tổ chức trên 500 cuộc gặp gỡ giữa Nhà đầu tư và Doanh nghiệp, 7 hội thảo đầu tư (roadshows) trong và ngoài nước (trong đó có hai hội thảo lớn là C-Suite Investor Forum 2019, hợp tác với Citi Group Singapore và Vietnam Corporate Day 2019, hợp tác với Goldman Sachs Singapore), 6 chuyến thăm quan doanh nghiệp theo chủ đề: Dầu khí & Năng lượng, Bất động sản & Khu công nghiệp, Doanh nghiệp có vốn hóa vừa & nhỏ, Ngân hàng, Nông nghiệp & Hải sản, Cảng biển & Vận tải.

Năm 2019, đứng trước những diễn biến tiêu cực từ thị trường chung cùng môi trường cạnh tranh khốc liệt, Dịch vụ Chứng khoán SSI, mảng kinh doanh phụ thuộc nhiều vào khối lượng giao dịch và thanh khoản thị trường, ghi nhận doanh thu giảm sau nhiều năm tăng trưởng cao và ổn định. Doanh thu từ Dịch vụ Chứng khoán SSI năm 2019 đạt 1.317,2 tỷ VNĐ, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2018 và chiếm xấp xỉ 40% tổng doanh thu toàn Công ty. Trong đó, doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán đạt 582 tỷ VNĐ, chiếm 44,2%; doanh thu từ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt 677,9 tỷ VNĐ, chiếm 51,5% doanh thu Dịch vụ Chứng khoán.

Cũng trong năm này, Hội đồng Quản trị SSI quyết định tách Bộ phận Phân tích và Tư vấn đầu tư Khách hàng tổ chức và Khách hàng cá nhân thành một Trung tâm Phân tích và Tư vấn đầu tư riêng biệt, hướng tới chuyên môn hóa bộ máy nhằm đem đến những sản phẩm dịch vụ chất lượng nhất cho khách hàng.

Những khách hàng chính:

Daiwa Capital Markets | Deutsche Bank | BNP PARIBAS | Van Eck Global SINCE 1955 | HSBC
citi | CREDIT SUISSE | Fidelity INVESTMENTS | CLSA | VIETNAM HOLDING
FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENTS | J.P.Morgan | DRAGON CAPITAL | VinaCapital | Morgan Stanley
true friend Korea Investment Holdings Co., Ltd. | PRUDENTIAL | DBS | Manulife | ACE Life

1.2. Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư của SSI đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và củng cố thương hiệu SSI. Dịch vụ Ngân hàng đầu tư bao gồm:

- Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp, tư vấn niêm yết cổ phiếu, tư vấn định giá doanh nghiệp, tư vấn tái cấu trúc vốn doanh nghiệp.
- Dịch vụ thị trường vốn cổ phần, vốn nợ: Tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp hoặc các công cụ phái sinh, liên kết với vốn cổ phần (equity linked securities) như trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền v.v...
- Tư vấn Mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A).
- Tư vấn triển khai các sản phẩm cơ cấu (structured products) và các sản phẩm phái sinh
- Tư vấn nghiệp vụ private equity

Năm 2019 là một năm khá trầm lắng của TTCK Việt Nam với mức tăng trưởng thấp của VN-Index cũng như sự sụt giảm mạnh của giá trị giao dịch. Điều kiện thị trường không thực sự thuận lợi khiến hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp chịu nhiều ảnh hưởng, thiếu vắng những thương vụ lớn, hoạt động IPO và huy động vốn cổ phần rất hạn chế. Điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI. Doanh thu ghi nhận năm 2019 đạt 99,3 tỷ VNĐ, giảm 46,5% so với cùng kỳ năm 2018 – thời điểm SSI đã thực hiện nhiều thương vụ có giá trị kỷ lục trên thị trường. Chi phí vận hành được kiểm soát chặt chẽ, dưới con số kế hoạch.

Trong bối cảnh kinh doanh khó khăn, SSI vẫn thực hiện tư vấn thành công thương vụ chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HOSE - HBC) cho Hyundai Elevator với mức giá thặng dư hơn 50% so với giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán. Thương vụ hợp tác chiến lược này có ý nghĩa quan trọng, giúp phát huy năng lực tối đa của hai Công ty. Việc hợp tác với Hyundai Elevator vừa giúp HBC có thêm nguồn vốn để tài trợ cho các dự án đang triển khai, vừa tạo thêm một số cơ hội mới cho HBC trong việc cung cấp các sản phẩm của Huyndai Elevator cho các khách hàng của mình với mức giá cạnh tranh nhất.
Ngược lại với thị trường vốn cổ phần, sự sôi động của thị trường vốn nợ đã đóng góp không nhỏ vào kết quả hoạt động của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI, cụ thể là Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp với những giao dịch lớn trong năm như Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Bất động sản TNR Holdings Việt Nam, Công ty Cổ phần Eurowindow Holding, Công ty Cổ phần Con Cưng v.v... với khối lượng thành công gần 13.000 tỷ VNĐ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE – HDB) với khối lượng 2.460 tỷ VNĐ, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và ACBS với khối lượng thành công gần 3.000 tỷ VNĐ v.v...

SSI cũng là cái tên gắn bó mật thiết với nhiều thương vụ M&A đình đám tại Việt Nam trong năm qua. Điển hình là thương vụ M&A giữa nhà đầu tư đến từ Nhật Bản - Taisho và Công ty CP Dược Hậu Giang (HOSE - DHG) do SSI và Daiwa Securities Co., Ltd. là tư vấn bên mua. Thương vụ được thực hiện trong vòng 3 năm (từ năm 2016 đến 2019) với tổng giá trị lên đến gần 350 triệu USD. Trải qua hai lần chào mua công khai và các giao dịch thỏa thuận, hiện Taisho đã tăng tỷ lệ sở hữu tại DHG lên 51,01%. Thương vụ này đem lại sự hài hòa lợi ích của các cổ đông và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của DHG hậu M&A. Sau 3 năm hợp tác với Taisho, DHG có nhiều đổi mới toàn diện trên mọi góc độ. Trong đó, chiến lược hội nhập để phát triển không chỉ giúp DHG và Taisho cùng nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế, mà người tiêu dùng trong nước cũng được hưởng nhiều lợi ích gia tăng.

Kết quả hoạt động tích cực của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI trong bối cảnh khó khăn đến từ khả năng phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa nhân sự hai miền, kiên định với chiến lược "lấy khách hàng là yếu tố

trọng tâm, lấy hiệu quả làm thước đo trong mọi hoạt động". SSI tiếp tục chiến lược phát triển dài hạn hướng đến việc cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ hàng đầu tới khách hàng. Cơ cấu bộ phận chuyên nghiệp và nhân sự chất lượng đang từng bước được định hình và phát triển, hứa hẹn sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai với quyết tâm sớm trở thành vị trí số 1 về thị phần.

1.3. Quản lý Quỹ

Trong năm 2019, SSIAM cung cấp 3 mảng dịch vụ chính cho Nhà đầu tư là Quản lý Quỹ đầu tư, Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Tổ chức, và Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Cá nhân. Tổng tài sản quản lý chia theo các dịch vụ cung cấp như sau:

Hình 5: Các mảng dịch vụ chính

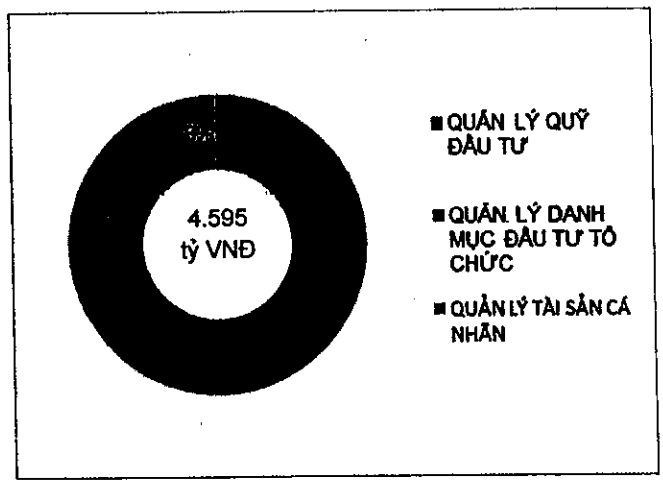

Nguồn: SSIAM

Dịch vụ Quản lý Quỹ đầu tư

SSIAM quản lý hơn 3.000 tỷ VNĐ tài sản tại các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài tại thời điểm cuối năm 2019, giảm 20% so với năm 2018. Tâm lý lo lắng của các nhà đầu tư Châu Âu về thị trường tài chính ở các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam, đã khiến họ rút ròng khá nhiều từ hai quỹ SSIAM SIF - Vietnam Active Value Portfolio và SSIAM UCITS - Vietnam Value Income and Growth Fund trong những tháng cuối năm. Tâm lý của các nhà đầu tư trong nước cũng không nhiều tích cực và họ đã cân nhắc lựa chọn những kênh đầu tư thận trọng hơn như trái phiếu hoặc tiết kiệm ngân hàng.

Với Quỹ đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI (SSI-SCA), SSIAM trong năm qua đã có thành quả huy động mới cho Quỹ này khi giới thiệu thành công tới các nhà đầu tư nước ngoài ưa chuộng trường phái

đầu tư giá trị, và kết quả là Quỹ chỉ bị rút ròng 13,2 tỷ VNĐ trong năm 2019 – mức rất nhỏ so với tổng mức rút ròng hơn 2.100 tỷ VNĐ của các quỹ mở cổ phiếu nội địa trên toàn thị trường. Quỹ ETF SSIAM VNX50 cũng nâng được quy mô quỹ lên gần 180 tỷ VNĐ nhờ huy động mới 57,2 tỷ VNĐ trong năm. Đây là kết quả của hoạt động tích cực tìm kiếm các kênh phân phối, đối tượng khách hàng mới cho sản phẩm hiện có, tạo tiền đề cho phát triển sản phẩm mới trong tương lai.

Năm 2019 không chỉ là năm của những thách thức mà còn là năm tiền đề cho những cơ hội kinh doanh mới đầy tiềm năng mà SSIAM đang hướng tới. Nắm bắt được nhu cầu của nhà đầu tư mong muốn đầu tư vào chỉ số thị trường và chỉ số ngành, SSIAM đã phối hợp với Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM xây dựng bộ chỉ số dẫn đầu ngành tài chính Việt Nam (VNFIN LEAD). Trong nửa cuối năm 2019, Công ty cũng nỗ lực chuẩn bị để triển khai quỹ ETF mô phỏng chỉ số mới này (Quỹ SSIAM VNFIN LEAD). Song song với đó, để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, SSIAM cũng chuẩn bị thành lập quỹ ETF SSIAM VN30 mô phỏng chỉ số VN30. Theo kế hoạch, hai quỹ ETF sẽ đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 2020 với quy mô dự kiến trên 2.000 tỷ VNĐ.

Ngoài ra, tiếp theo thành công của hai quỹ PE (Private Equity – quỹ đầu tư vào các công ty chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán) mà SSIAM đồng quản lý với Daiwa Securities, cổ đông chiến lược của SSI, SSIAM và Daiwa sẽ tiếp tục huy động quỹ PE thứ 3. Vòng đóng quỹ đầu tiên của quỹ Daiwa - SSIAM III sẽ diễn ra vào tháng 4.2020 với quy mô dự kiến gần 1.000 tỷ VNĐ. SSIAM đặt kế hoạch sẽ huy động tổng cộng hơn 2.000 tỷ VNĐ cho quỹ Daiwa-SSIAM III.

Những năm qua, SSIAM dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, làm việc với các đối tác trên thị trường để chuẩn bị cho sự ra đời của Qũy hưu trí tự nguyên – sản phẩm tiềm năng trong tương lai. Đầu năm 2020, SSIAM đã chính thức được Bộ Tài Chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quỹ hưu trí tự nguyện. Đây là tiền đề để công ty đưa sản phẩm này ra thị trường khi điều kiện thị trường phù hợp.

Hình 6: Các Quỹ đầu tư do SSIAM quản lý

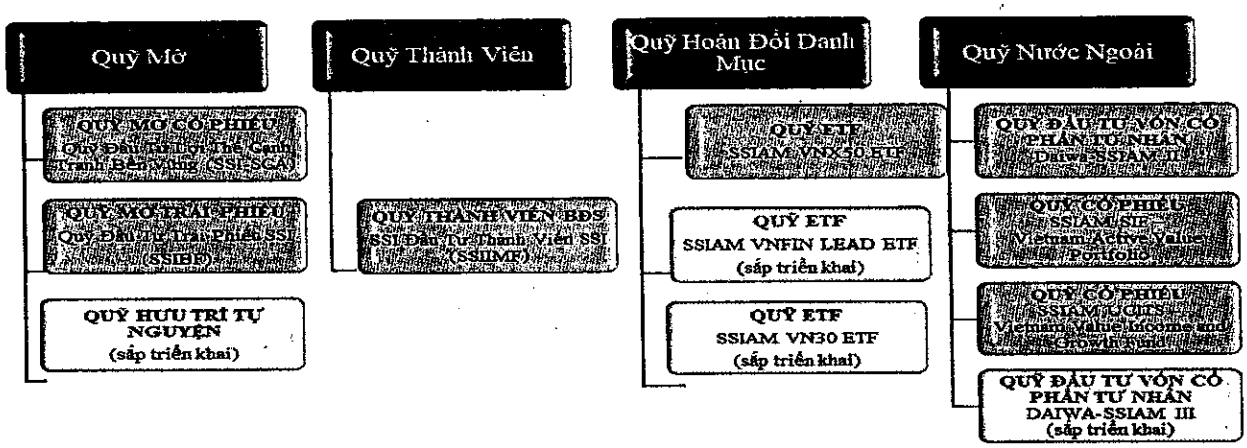

Nguồn: SSIAM

Dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng tổ chức

Năm 2019, SSIAM duy trì ổn định mảng khách hàng tổ chức. Khách hàng của Công ty chủ yếu bao gồm một số Công ty bảo hiểm lớn và các tổ chức khác có nhu cầu ủy thác vốn. Tổng quy mô tài sản quản lý cho khách hàng tổ chức đạt 1.333 tỷ VNĐ, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước.

Dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng cá nhân

Quy mô tài sản quản lý cho khách hàng cá nhân đạt 231 tỷ VNĐ cuối năm 2019, giảm 38,3% so với năm 2018. Số lượng khách hàng cá nhân rút khỏi dịch vụ ủy thác đang có xu hướng tăng trong năm qua, do tâm lý lo sợ rủi ro đầu tư, khi có nhiều sự kiện kinh tế, chính trị trên thế giới diễn ra phức tạp, ảnh hưởng lên biến động của TTCK. Do mảng này chỉ chiếm 5% tổng tài sản Công ty đang quản lý, nên ảnh hưởng lên doanh thu, lợi nhuận của Công ty không đáng kể. SSIAM tin rằng, dòng vốn từ nhà đầu tư cá nhân vẫn đang trong trạng thái chờ những thông tin tích cực như: việc nâng hạng thị trường, các chính sách bảo vệ và hỗ trợ nhà đầu tư, giao dịch T+0, mở room nước ngoài cho các ngành nghề hạn chế v.v... để quay trở lại trong thời gian tới.

Kết thúc năm 2019 - một trong những năm khó khăn nhất kể từ khi thành lập, SSIAM hoàn thành vượt 12% kế hoạch lợi nhuận đặt ra từ đầu năm. Tuy nhiên tiêu chí về tổng giá trị tài sản quản lý và doanh thu từ phí quản lý chưa đạt kế hoạch. Để đạt được những mục tiêu kinh doanh thách thức hơn của năm 2020, SSIAM sẽ cần nỗ lực nhiều hơn nữa để tận dụng các cơ hội phát triển trong thời gian tới.

1.4. Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính

Kinh doanh nguồn vốn bao gồm:

- Các hoạt động giao dịch đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, Mua bán giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;
- Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành trái phiếu;
- Dịch vụ thiết kế, xây dựng các sản phẩm cấu trúc để đáp ứng các nhu cầu vay vốn cũng như đầu tư vốn của khách hàng với mức lãi suất và thời hạn phù hợp;
- Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính có nhiệm vụ đảm bảo thanh khoản và an toàn cho tài sản Công ty cũng như các nhà đầu tư.

Hoạt động kinh doanh duy trì ổn định trong bối cảnh suy giảm của Thị trường Chứng khoán Việt Nam

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô Việt Nam có mức tăng trưởng ấn tượng so với tình hình chung của kinh tế thế giới, môi trường đầu tư, kinh doanh được đảm bảo nhờ các chính sách tài khóa, tiền tệ ổn định và hợp lý. Lãi suất trên cả hai thị trường vốn và tiền tệ có xu hướng giảm, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng cao, lạm phát được duy trì ở mức hợp lý, thanh khoản cả tiền đồng và ngoại tệ đều rất tốt. Những yếu tố kể trên đã có tác động một cách tích cực đến hoạt động của Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI, ghi nhận kết quả ấn tượng so với tình hình chung của Công ty. Năm 2019, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI giữ vững tốc độ tăng trưởng ổn định về tổng tài sản, đạt trên 13,5% - tương đương 27.044 tỷ VNĐ tổng tài sản. Cùng với đó, doanh thu của Khối ghi nhận 1.031,3 tỷ VNĐ, tăng trưởng 36% so với cùng kỳ 2018. Để đạt được kết quả này là cả một quá trình xây dựng và duy trì chính sách kinh doanh bền vững và quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đi đôi với việc không ngừng tư duy, sáng tạo, tìm kiếm và đánh giá các cơ hội đầu tư mới trên thị trường và hoạt động quản trị rủi ro hiệu quả mang lại.

Hình 7: Doanh thu Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính (tỷ VNĐ)

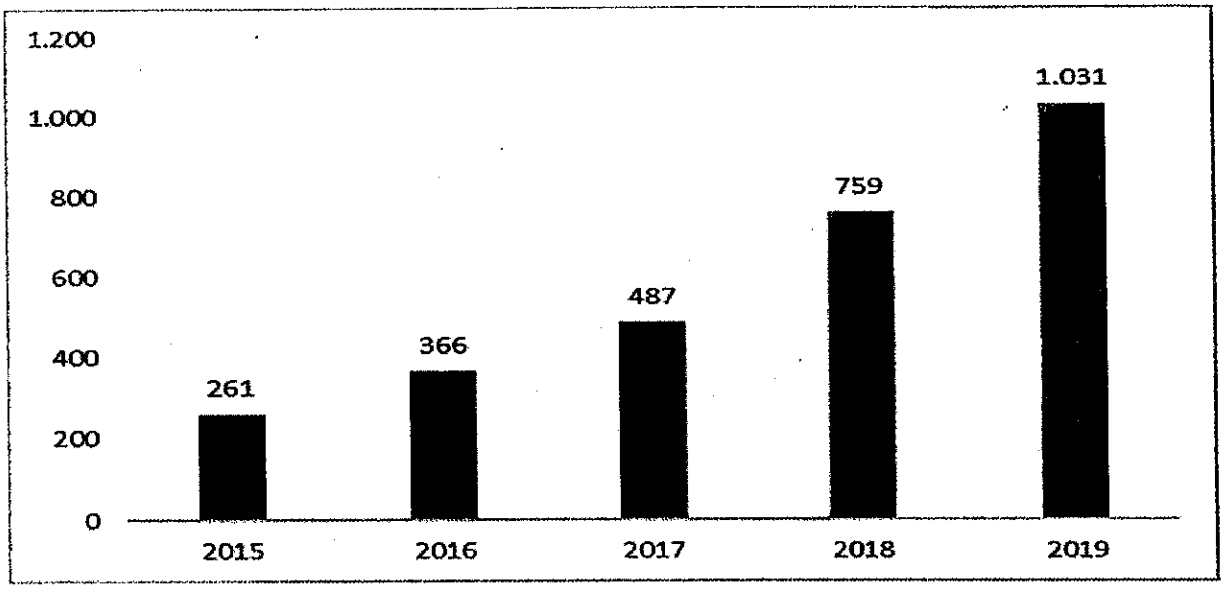

Nguồn: SSIAM

Luôn luôn đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống

Bằng việc tiếp tục duy trì tỷ trọng cao các tài sản tài chính ngắn hạn và thanh khoản trên tổng tài sản trong những năm vừa qua, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI luôn xây dựng chiến lược kinh doanh trên nền tảng an toàn thanh khoản được đặt lên hàng đầu, năm 2019 cũng không ngoại lệ. Thanh khoản của toàn Công ty và an toàn tiền gửi của Nhà đầu tư được đảm bảo, lượng vốn huy động dồi dào và ổn định tạo nền tảng cho các hoạt động kinh doanh khác của công ty.

Bên cạch đó, việc mở rộng các quan hệ tín dụng với các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước giúp SSI có thể tiếp cận với các nguồn vốn đa dạng, giá hợp lý, duy trì tính ổn định, hiệu quả trong việc kinh doanh nguồn vốn.

Đẩy mạnh đầu tư thông qua các sản phẩm giao dịch phái sinh và cấu trúc

Dựa trên nền tảng được xây dựng cơ bản và vững chắc từ năm 2018, năm 2019 là một bước phát triển vượt bậc và ấn tượng của Bộ phận Sản phẩm Cấu trúc SSI, đóng góp đáng kể và hiệu quả vào kết quả kinh doanh chung trong năm 2019. SSI đã trở thành một đối tác lớn trên thị trường phái sinh Việt Nam thông qua hàng loạt các giao dịch phái sinh có giá trị và doanh số lớn trên thị trường.

Bên cạnh đó, xác định các sản phẩm có lợi suất cố định là sản phẩm chiến lược trong thời gian sắp tới, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI đã tích cực phối hợp cùng các Khối liên quan thiết kế và xây

dựng sản phẩm S-Bond nhằm giúp nhà đầu tư đa dạng hóa danh mục đồng thời tạo kênh huy động vốn cho các doanh nghiệp mà SSI thẩm định, đánh giá có chất lượng tín dụng tốt. Sản phẩm được nhà đầu tư chào đón rộng rãi và tạo được mức thanh khoản cao trên thị trường thứ cấp.

Theo nhận biết của Tổ chức phát hành, hiện nay không có tranh chấp, kiện tụng nào diễn ra với Công ty.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 2: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	% Tăng Giảm	Quý 1/2020
Tổng giá trị tài sản	23,825,627	27,044,115	13.51%	27,499,507
Doanh thu thuần	3,938,662	3,301,484	-16.18%	982,231
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,567,030	1,098,617	-29.89%	6,318
Lợi nhuận khác	56,184	6,907	-87.71%	1,646
Tổng lợi nhuận trước thuế	1,623,213	1,105,524	-31.89%	7,965
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	1,304,930	909,201	-30.33%	9,615
Biên LNST/ Doanh thu thuần	33.08%	27.48%	-16.93%	0.91%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Qúy 1/2020 (chưa kiểm toán) của SSI

Các chứng quyền mà công ty đã phát hành còn lưu hành tính tới ngày 28/04/2020:

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Ngày đáo hạn	Số lượng đang lưu hành	Số lượng niêm yết
1	TCB/3M/SSI/C/EU/CASH-03	CTCB2002	Mua	1:1	22.000 đồng	14/05/2020	2.617.170	3.000.000
2	HDB/3M/SSI/C/EU/CASH-03	CHDB2004	Mua	1:1	28.500 đồng	14/05/2020	2.884.820	3.000.000
3	VPB/3M/SSI/C/EU/CASH-03	CVPB2004	Mua	1:1	24.000 đồng	14/05/2020	2.537.220	3.000.000

4	MWG/4M/SSI/C /EU/CASH-03	CMWG2004	Mua	1:1	105.000 đồng	15/06/ 2020	845.720	1.000.000
5	HPG/4M/SSI/C/ EU/CASH-03	CHPG2004	Mua	1:1	23.500 đồng	15/06/ 2020	474.230	5.000.000
6	FPT/7M/SSI/C/ EU/CASH-04	CFPT2003	Mua	1:1	50.000 đồng	11/09/ 2020	4.010	2.000.000
7	MBB/7M/SSI/C/ EU/CASH-04	CMBB2003	Mua	1:1	18.000 đồng	11/09/ 2020	2.260	3.000.000
8	FPT/4M/SSI/C/ EU/CASH-04	CFPT2004	Mua	1:1	50.000 đồng	08/10/ 2020	22.530	2.000.000
9	MBB/4M/SSI/C/ EU/CASH-04	CMBB2002	Mua	1:1	18.000 đồng	08/10/ 2020	26.000	3.000.000

3. Tình hình tài chính

Công ty thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện các khoản phải nộp theo luật định.

Tổng dư nợ vay (ngân hàng, trái phiếu): tại ngày 31/12/2019: 16.656.164.101.627

Tình hình công nợ hiện nay (tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả): tại ngày 31/12/2019

Tổng nợ phải thu	408,048,709,987
Tổng nợ phải trả	17,643,055,244,708

Bảng 3: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về an toàn tài chính			
- Giá trị vốn khả dụng:	7,866,329,224,530	8,248,448,489,495	
- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm)	2,410,869,044,561	2,597,475,029,725	
- Tỷ lệ vốn khả dụng:	326.29%	317.56%	
Giá trị vốn khả dụng	7,866,329,224,530	8,248,448,489,495	
Tổng rủi ro	2,410,869,044,561	2,597,475,029,725	
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.65	1.36	
- Hệ số thanh toán nhanh:	1.65	1.35	
TSLĐ - Hàng tồn kho	22,270,357,215,928	22,290,867,181,933	

Nợ ngắn hạn	13,469,410,255,114	16,409,540,660,284	
3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	61.57%	65.24%	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	160.2%	187.67%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	33.08%	27.48%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14.34%	9.72%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5.47%	3.35%	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.40	0.30	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	2,428	1,663	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2019 SSI

Năm 2019 là một năm kinh doanh đầy khó khăn với SSI nói riêng và các Công ty Chứng khoán nói chung do sự sụt giảm mạnh của thanh khoản thị trường. Tại HOSE, khối lượng giao dịch bình quân phiên trong năm chỉ đạt 189,2 triệu chứng khoán, tương ứng với giá trị 3.765 tỷ VNĐ/ngày, so với cùng kỳ 2018 đã sụt giảm lần lượt 17,8% về khối lượng và 26,8% về giá trị giao dịch. Giá trị giao dịch trung bình ngày thông qua giao dịch khớp lệnh trên 3 sàn cũng đã giảm 34% trong năm 2019 xuống còn 149 triệu USD. Tổng giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài chỉ đạt 206 triệu USD trong năm 2019, giảm 89% so với năm 2018. Điều kiện thị trường không thuận lợi cũng khiến các hoạt động huy động vốn cổ phần, chào bán ra công chúng của nhiều doanh nghiệp chịu ảnh hưởng tiêu cực, không xuất hiện những thương vụ có giá trị cao kỷ lục như năm trước đó. Điều này gây bất lợi cho các hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán, đặc biệt những mảng phụ thuộc nhiều vào thanh khoản và giá trị giao dịch thị trường như môi giới chứng khoán.

Sau khi đánh giá tình hình thị trường 9 tháng đầu năm có nhiều ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động kinh doanh của Công ty, tháng 10/2019, căn cứ ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT SSI đã quyết định điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 với một số chỉ tiêu: lợi nhuận trước thuế 2019 về mức 1.100 tỷ VNĐ, doanh thu về mức 2.950 tỷ VNĐ, tương đương với mức giảm 35,3% và 21,9% so với kế hoạch kinh doanh đề ra đầu năm. Kết thúc năm 2019, Công ty ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 3.308,6 tỷ VNĐ, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.105,5 tỷ VNĐ – đạt kế hoạch kinh doanh đã điều chỉnh, với chi phí hoạt động giữ ổn định so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 8: Kết quả Kinh doanh giai đoạn 2015-2019 (Tỷ VNĐ)

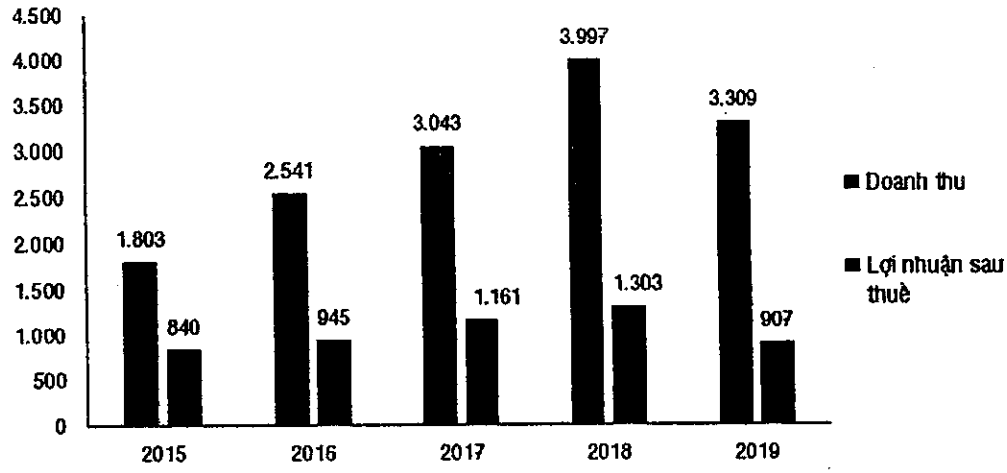

Hình 9: Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2019

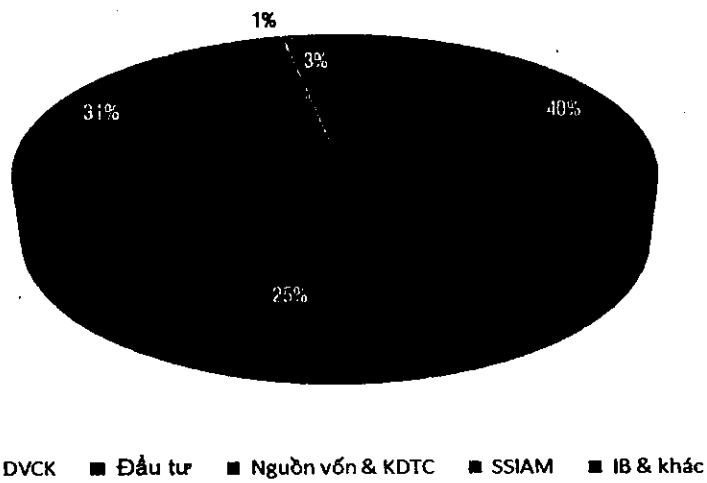

Trải qua gần 20 năm thăng trầm cùng thị trường chứng khoán, SSI nhận định đây là thời điểm khó khăn nhưng cũng chính là cơ hội. Công ty kiên định đi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thuộc các mảng kinh doanh chính bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư), Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư

vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, và Quản lý Quỹ, nhằm cung cấp cho Khách hàng trọn gói dịch vụ, giúp cho Khách hàng có thể tối ưu hóa vốn đầu tư và linh hoạt kinh doanh. Đồng thời, năm 2019, Công ty dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin song song với nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm sẵn sàng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của Khách hàng trong thời kỳ mới.

CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm phát hành

Tên chứng quyền: Chứng quyền VPB/6M/SSI/C/EU/Cash-05

- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VPB
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
- Loại chứng quyền: chứng quyền mua
- Kiểu thực hiện: châu Âu
- Phương thức thực hiện chứng quyền: thanh toán tiền
- Thời hạn: 6 tháng
- Ngày phát hành dự kiến: trong tháng 05 năm 2020
- Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến: trong tháng 11 năm 2020
- Ngày đáo hạn dự kiến: trong tháng 11 năm 2020
- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)
- Giá thực hiện dự kiến: trong khoảng giá từ 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần đến 35.000 (ba lăm nghìn) đồng/cổ phần
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán
- Giá chào bán dự kiến: trong khoảng giá từ 1.000 (một nghìn) đồng/chứng quyền đến 13.000 (mười ba nghìn) đồng/chứng quyền
- Tổng số lượng chào bán: 5.000.000 (năm triệu) chứng quyền
- Tổng giá trị chào bán dự kiến: từ 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng đến 65.000.000.000 (sáu lăm tỷ) đồng
- Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó: Đây là lần phát hành lần đầu mã chứng quyền này

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

- Chứng khoán cơ sở là cổ phiếu: VPB của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
- Mức vốn hóa: 53,021 tỷ VNĐ (tại ngày 15/04/2020)
- Tình thanh khoản, tình hình biến động giá trong năm
    - Khối lượng giao dịch trung bình trong năm: 2,563,000 cổ phiếu

- Giá giao dịch cao nhất trong năm: 28,800 VNĐ
- Giá giao dịch thấp nhất trong năm: 16,950 VNĐ

- Thời điểm niêm yết lần đầu của chứng khoán cơ sở: 17/08/2017
- Chỉ số giá/thu nhập (P/E) tại thời điểm thống kê: 6.44

- Lĩnh vực hoạt động: Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng gồm các sản phẩm, dịch vụ chính như huy động, sử dụng vốn, kinh doanh ngoại tệ, phát hành và thanh toán thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ.... Ngày 17/08/2017, Ngân hàng chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán VPB.
- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về thanh khoản		
- Dư nợ cho vay khách hàng/Tổng vốn huy động	79.98%	79.69%
- Dư nợ cho vay/ Tổng tài sản Có	68.66%	68.18%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0.89	0.89
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	8.30	7.94
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	29.78%	26.93%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng thu nhập hoạt động	23.66%	22.72%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	3,025.00	3,376.00

Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng giảm	Quý 1/2020
Tổng giá trị tài sản	323,291	377,204	16.68%	393,209
Vốn chủ sở hữu	34,750	42,210	21.47%	44,524
Doanh thu	40,280	49,875	23.82%	13,248
Lợi nhuận trước thuế	9,199	10,324	12.23%	2,911
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,843)	(2,064)	11.99%	-597
Lợi nhuận sau thuế	7,356	8,260	12.29%	2,314
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	21.17%	19.57%		

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Trong vòng tối đa mười lăm (15) ngày kể từ khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền từ Ủy ban chứng khoán nhà nước, SSI sẽ tiến hành phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư. Thời gian phân phối cụ thể sẽ theo Thông báo phát hành của SSI

4. Đăng ký mua chứng quyền

Thông báo phát hành chứng quyền

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền, tổ chức phát hành công bố Bản cáo bạch và Bản thông báo phát hành trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán và của tổ chức phát hành theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Địa điểm đăng ký mua chứng quyền

Nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở, tất cả các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Website www.ssi.com.vn của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI và kênh online tại SSI Web Trading

Phương thức thanh toán

Các phương thức thanh toán mua chứng quyền như sau:

- Nộp tiền vào tài khoản chỉ dẫn.
- Chuyển khoản: từ tài khoản ngân hàng vào tài khoản chỉ dẫn, hoặc từ tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tại SSI vào tài khoản theo chỉ dẫn.
- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền.

Thanh toán

Tiền thanh toán mua chứng quyền cần được ghi nhận vào tài khoản của tổ chức phát hành trước 16h ngày làm việc cuối cùng trong ngày nhận đăng ký mua cuối cùng. Các lệnh thanh toán được ghi nhận vào tài khoản chỉ dẫn sau thời hạn thanh toán sẽ được coi là không hợp lệ.

Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản chỉ dẫn khác số tiền ghi trên Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm, số lượng chứng quyền được phân phối dựa trên giá trị nhỏ hơn giữa số tiền thanh toán và giá trị đăng ký mua chứng quyền.

Các lệnh đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ:

- Lệnh đăng ký mua chứng quyền nhỏ hơn lệnh đặt tối thiểu;
- Nhà Đầu Tư đã làm lệnh thanh toán nhưng không ghi phiếu lệnh đăng ký mua chứng quyền;
- Lệnh thanh toán ghi sai Nội dung chuyển tiền;
- Lệnh thanh toán được ghi nhận vào tài khoản SSI sau thời hạn thanh toán;
- Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm ghi sai Nội dung thông tin.

Nguyên tắc phân phối chứng quyền

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền đăng ký mua của tất cả các nhà đầu tư lớn hơn số lượng chào bán, chứng quyền sẽ được phân phối theo tỷ lệ. Số chứng quyền nhà đầu tư nhận được sẽ được tính = số lượng chứng quyền nhà đầu tư đăng ký mua * (tổng số lượng chào bán/ tổng số lượng chứng quyền đăng ký mua hợp lệ của tất cả các nhà đầu tư).

Nguyên tắc giá phân phối chứng quyền

Giá phân phối chứng quyền sẽ là một mức giá duy nhất được SSI thông báo tại Thông báo phát hành chứng quyền sau khi SSI được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.

Nguyên tắc làm tròn: số lượng chứng quyền phân bổ cho nhà đầu tư sẽ được làm tròn đến hàng chục với nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ đơn vị sẽ bị hủy bỏ.

Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền: trong vòng 02 ngày làm việc sau ngày kết thúc đăng ký mua chứng quyền, SSI sẽ gửi thông báo dự kiến kết quả phân phối chứng quyền tới nhà đầu tư qua hình thức thư điện tử (email).

Kết quả phân phối chứng quyền chính thức sẽ do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán thực hiện phân bổ trực tiếp vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 100 chứng quyền

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua chứng quyền

Trường hợp lệnh đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ/ hoặc được phân phối theo tỷ lệ, trong vòng 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc đăng ký mua chứng quyền, Tổ chức phát hành sẽ chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư theo hình thức chuyển khoản về tài khoản nhà đầu tư đã đăng ký trong Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

Quy trình đặt mua chứng quyền có bảo đảm khi SSI phát hành như sau:

- **Bước 1: Nhà đầu tư nhận và điền đầy đủ thông tin vào "GIẤY ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM" theo mẫu**

- **Bước 2: Nhà đầu tư nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản đến tài khoản có thông tin như sau:**

Tên người thụ hưởng:	**Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI**
Số tài khoản:	22210003842855
Tại Ngân Hàng:	Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Thanh Xuân
Nội dung:	<Tên nhà đầu tư> <Số CMND> nộp tiền mua <Số lượng chứng quyền có bảo đảm> Chứng quyền <Mã chứng quyền> <Tên tổ chức phát hành>
Ví dụ:	Trần Văn A, CMND 012345678, nộp tiền mua 5000 chứng quyền XXXX CTCP YYYY

- **Bước 3: Nhà đầu tư nộp Bộ hồ sơ Đăng ký MUA chứng quyền có bảo đảm tại các Quầy DVKH của SSI**

Lưu ý: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ BỘ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM khi nộp, bao gồm:

Đối với cá nhân:

- 02 Bản chính "Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm" hợp lệ
- 01 Bản sao giấy nộp tiền mặt hoặc ủy nhiệm chi
- 01 Bản sao hợp lệ CMND
- 01 Giấy ủy quyền (nếu có)
- 01 Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSD & Hộ chiếu (dành cho NĐT Nước ngoài)
- 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (dành cho NĐT Nước ngoài)

- 01 Bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản nếu Nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại CTCK không phải SSI (nếu có)

Đối với pháp nhân:

- 02 Bản chính "Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm" hợp lệ
- 01 Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 01 Bản sao hợp lệ các loại giấy tờ liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp (nếu có)
- 01 Bản sao Giấy nộp tiền mặt hoặc Ủy nhiệm chi
- 01 Bản sao CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện pháp luật
- 01 Bản sao Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức
- 01 Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSD (dành cho NĐT Nước ngoài)
- 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (dành cho NĐT Nước ngoài)
- 01 Bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản nếu Nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại CTCK không phải SSI (nếu có)

Lưu ý: Khi điền Giấy đăng ký mua, Nhà đầu tư đăng ký nhận Kết quả Phân phối dự kiến qua email (được gửi sau khi kết thúc đợt Phát hành) và nhận Kết quả Phân phối chính thức qua SMS (được gửi sau khi kết thúc Lưu ký tự động).

5. Thực hiện chứng quyền

5.1. Trường hợp thanh toán bằng tiền:

5.1.1. Quy trình thanh toán:

(1) Tổ chức phát hành (TCPH) gửi hồ sơ thông báo thực hiện chứng quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó có các thông tin sau:

- Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ 2 sau ngày giao dịch cuối cùng tại SGDCK. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đáo hạn chứng quyền.
- Thông tin về ngày thanh toán: Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ 5 kể từ ngày đăng ký cuối cùng

(2) TCPH gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến VSD chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.

(3) Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.

(4) Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của TCPH, VSD lập và gửi cho HSX và các Thành viên Thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.

(5) Chậm nhất vào 9h ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

(6) Thành viên lưu ký (TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu thông tin người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSD cung cấp với thông tin do thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đang quản lý và gửi cho VSD Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 15h30 ngày làm việc thứ hai kể từ ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách. Trường hợp không chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi thêm cho VSD văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSD điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSD sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

(7) Vào ngày làm việc thứ 02 sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi TCPH Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền.

(8) TCPH gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSD chậm nhất vào ngày làm việc thứ 03 sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

(9) Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được Thông báo xác nhận của TCPH, VSD gửi văn bản thông báo cho Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.

(10) Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, TCPH chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSD. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày thanh toán, TCPH phải thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ vào công văn của TCPH, VSD sẽ thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan.

(11) Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSD phân bổ vào tài khoản của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. TVLK chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.

(12) Trường hợp TCPH thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng 01 ngày làm việc sau ngày nhận được văn

bản của TCPH, VSD gửi thông báo cho SGDCK và các Thành viên về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.

- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng [(Giá thanh toán – Giá thực hiện) / Tỷ lệ chuyển đổi].
- Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).
- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

5.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán:

Khi Công ty bị mất khả năng thanh toán, hoặc thực hiện chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản thì việc bảo đảm quyền lợi cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần và phương án chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc phá sản và các quy định về xử lý trường hợp đặc biệt tại Điều 15 Thông tư số 107/2016/TT-BTC hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm và các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện;
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần;
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

- Cách tính giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực như sau: sử dụng công thức Black Scholes:

$$C = (N(d_1)S - N(d_2)Xe^{-r_c T})/k$$

Với:
$$d_1 = \frac{ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá thanh toán của chứng quyền mua tại ngày hủy niêm yết chứng quyền có bảo đảm;

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: Giá thực hiện của chứng quyền;

S: Giá chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có bảo đảm;

T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn: là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền;

r_c: Lãi suất phi rủi ro (TCPH sử dụng lãi suất VNIBOR kỳ hạn 1M);

VNIBOR 1M (3% to 4%).

σ: độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (TCPH sử dụng độ biến động giá của chứng khoán cơ sở trong quá khứ để dự báo mức biến động của chứng khoán cơ sở trong tương lai).

Volatility 40% – 60%

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo công thức Black Scholes:

DeltaCALL = N (d1)

Trong đó:

DeltaCALL là giá trị delta của chứng quyền mua.

N(d1) là xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d1 được

c xác định theo công thức định giá Black Scholes.

k: tỷ lệ chuyển đổi của CW và cổ phiếu

7. Điều chỉnh chứng quyền

7.1.1. Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới. Các trường hợp điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của SGDCK.

7.1.2. Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi khi điều chỉnh chứng quyền như sau:

- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cở sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cở sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)
- Tỷ lệ chuyển đổi mớ = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cở sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cở sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

8. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ liên quan:

Theo Công văn số 1468/BTC-CST về việc chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm ban hành ngày 05 tháng 02 năm 2018 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với chứng quyền có bảo đảm. Cụ thể như sau:

a) Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền

Do chứng quyền có bảo đảm được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên khi chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm thì thu nhập từ khoản chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%. Trong đó:

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

b) Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Theo quy định tại điểm a, b, e khoản 1 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm thì giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm là:

+ Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc

+ Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Giá thanh toán của chứng quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

c) Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Do hiện hành mới quy định thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền nên thời điểm phát sinh thu nhập là thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền. Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần. Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch chứng khoán công bố theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

Lưu ý: trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

d) Thời điểm xác định thu nhập tính thuế đối với nhà đầu tư

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền mua trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền.

Giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán được quy định chi tiết tại Biểu giá ban hành kèm theo Thông tư số 128/2018/TT-BTC ban hành ngày 27/12/2018

Căn cứ vào mức giá tối đa, khung giá quy định tại Thông tư này, các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quy định tại Điều 2 Thông tư này quyết định mức giá cụ thể phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và quy định của pháp luật về giá, pháp luật có liên quan.

Giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quy định tại Thông tư này là giá không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

9. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

Điều 6 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường tại Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của TCPH chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh quy định như sau:

9.1. Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chêch lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn;
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

9.2. Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng (mười) 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng khối lượng tối thiểu của lệnh, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;

- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền bán;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện hoặc chứng quyền bán đang có giá chứng khoán cơ sở thấp hơn 30% so với giá thực hiện), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VI. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

Bước 1: Nhận diện các rủi ro có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh chứng quyền

- **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro khi SSI không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như SSI bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền do không có đủ cổ phiếu hoặc tiền.
- **Rủi ro thị trường:** Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm và giá của tài sản cơ sở.
- **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi SSI bị vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ kinh doanh chứng quyền.
- **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro do các lý do công nghệ (ví dụ như hệ thống giao dịch bị lỗi, phần mềm tính toán để thực hiện giao dịch hedging bị lỗi dẫn tới mua/bán chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền nhiều hơn trạng thái trung hòa rủi ro), nhân viên (không tuân thủ quy

trình công việc,..), các lý do bên ngoài (thiên tai, chiến tranh....), thiếu các quy trình hướng dẫn tại các bộ phận nghiệp vụ.

- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro khi công ty không thể thực hiện được hoặc thực hiện với phí cao hơn cho giao dịch mua/bán để đạt được trạng thái trung hòa rủi ro do cổ phiếu không có hoặc có thanh khoản thấp.

Bước 2: Phân tích rủi ro

- **Rủi ro thanh toán**: Với quy mô của SSI cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền và tài sản thì mức độ xảy ra rủi ro này tại SSI là thấp, bên cạnh đó công ty cũng thực hiện hoạt động hedging theo quy định để đảm bao cổ phiếu thanh toán cho khách hàng khi đến ngày thực hiện quyền.
- **Rủi ro thị trường**: Đây là rủi ro lớn nhất và có khả năng xảy ra cao trong hoạt động kinh doanh và phát hành chứng quyền có đảm bảo.
- **Rủi ro pháp lý**: Có thể xảy ra nếu công ty vô tình không thực hiện đúng một hoạt động nào đó do thiếu ý kiến tư vấn từ bộ phận Luật, hoặc do chưa kịp cập nhật các thay đổi trong quy định chính sách.
- **Rủi ro hoạt động**: Rủi ro xảy ra các lỗi liên quan đến hệ thống phần mềm là có thể xảy ra, bên cạnh đó là các rủi ro liên quan đến nhân viên làm sai quy trình cũng có thể xảy ra.
- **Rủi ro thanh khoản**: Trong điều kiện thị trường bình thường với các cổ phiếu lớn thì rủi ro này thấp. Tuy nhiên vẫn có thể xảy ra rủi ro thanh khoản do có các thông tin tốt/xấu đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.

Bước 3: Kiểm soát rủi ro

- **Rủi ro thanh toán:**
  - Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro
    i. Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa theo một tỷ lệ nhất định nhưng không thấp hơn yêu cầu của UBCK.
    ii. Bên cạnh đó công ty luôn có các tài sản dự phòng để đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn.
  - Cách thực hiện
    i. Thực hiện giao dịch mua/bán hàng ngày tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging theo mức trung hòa rủi ro
    ii. Đánh giá rủi ro thanh khoản chung của công ty bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán dự kiến nếu có từ các chứng quyền đáo hạn.
    iii. Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, các báo cáo giám sát.

- **Rủi ro thanh khoản:**
  - Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: đảm bảo chi phí giao dịch phòng ngừa rủi ro ở mức thấp nhất.
  - Cách thực hiện: Luôn giao dịch để đảm bảo một tỷ lệ trung hòa rủi ro theo quy định, chỉ phát hành chứng quyền với các cổ phiếu lớn và có thanh khoản ổn định. Bên cạnh đó là quy định khối lượng cổ phiếu hoặc tài sản cơ sở tối đa bắt buộc phải thực hiện giao dịch mua/bán để hạn chế rủi ro thanh khoản.
  - Cơ sở vật chất: Hệ thống phần mềm giao dịch, các báo cáo giám sát
- **Rủi ro hoạt động:**
  - Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: giảm thiểu tối đa xảy ra các sự kiện rủi ro hoạt động.
  - Cách thực hiện:
    i. Các bộ phận kinh doanh xây dựng đầy đủ các quy trình hoạt động liên quan đến kinh doanh chứng quyền có đảm bảo.
    ii. Thực hiện đào tạo đầy đủ cho các nhân sự liên quan về sản phẩm, quy trình để đảm bảo các quy trình được thực hiện đúng và đủ.
    iii. Tiến hành đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro cho toàn bộ nhân sự nhằm hạn chế các gian lận có thể xảy ra.
    iv. Kiểm thử đầy đủ các hệ thống phần mềm giao dịch và hỗ trợ trước khi đưa vào sử dụng. Bên cạnh đó là luôn ghi nhận các phản hồi của khách hàng hoặc nhân viên công ty để có điều chỉnh nếu cần.
    v. Có sự hỗ trợ, kiểm tra giám sát từ bộ phận quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.
  - Công cụ thực hiện
  - Các quy trình làm việc
  - Các tài liệu hướng dẫn và đào tạo.
- **Rủi ro pháp lý:**
  - Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.
  - Cách thực hiện:
    i. Bộ phận luật thực hiện ra soát các quy trình, hoặc các chính sách sản phẩm trước khi được ban hành và đưa vào sử dụng.
    ii. Bộ phận luật cập nhật thường xuyên các thay đổi trong văn bản pháp luật để có thể hiệu chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nếu cần.

iii. Đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân viên của công ty về các rủi ro pháp lý nếu làm sai quy định.

- Công cụ thực hiện: Các văn bản pháp luật, các chính sách, quy trình của công ty.

Bước 4. Giám sát rủi ro

- Hoạt động quản trị rủi ro được giám sát hàng ngày hoặc định kỳ thông qua các báo cáo giám sát
- Định kỳ thực hiện phân tích, đánh giá các rủi ro đã xảy ra để xác định các khu vực tiềm ẩn nhiều rủi ro và có biện pháp xử lý, hạn chế rủi ro thích hợp.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

2.1. Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

Căn cứ quy định của pháp luật, khi nhà đầu tư đặt lệnh thực hiện chứng quyền hoặc tại ngày đáo hạn, nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có lãi được thanh toán bằng các nguồn sau:

a) Nguồn vốn lưu động bố trí cho việc thanh toán chứng quyền;

b) Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;

c) Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;

d) Ngân hàng lưu ký thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (nếu có);

e) Các tài sản hợp pháp khác mà Công ty được phép dùng để thanh toán.

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

2.2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

- Hoạt động phòng ngừa rủi ro được thực hiện trên tài khoản tự doanh của SSI và tuân thủ theo phương pháp trung hòa Delta (Delta Neutral) – là phương pháp mà các vị thế của chứng khoán cơ sở và vị thế của chứng quyền tự động bù trừ rủi ro cho nhau. SSI sẽ thực hiện việc mua, bán, vay và các giao dịch khác phù hợp với quy định pháp luật đối với chứng khoán cơ sở và chứng quyền. Trong đó, SSI sẽ tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết (là số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền) theo hệ số Delta được quy định tại Điều 8.2 Quyết định 72/QĐ - UBCK. Các giao dịch và vị thế phòng ngừa rủi ro của TCPH phải báo cáo SGDCK hàng ngày để SGDCK có thể giám sát việc thực hiện nghĩa vụ đối với NĐT của TCPH.
- Phương pháp xác định vị thế PNRR lý thuyết delta hedging, cụ thể như sau:

$$P = Delta \times OI / k$$

Trong đó:

- ***P**: Số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.*
- ***Delta**: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở, được tính toán dựa trên công thức Black Scholes*
- ***OI**: Vị thế mở, được xác định bằng số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành.*
- ***k**: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền và cổ phiếu*

➢ Dựa trên vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết (Số lượng P chứng khoán cơ sở ở công thức trên), SSI sẽ thực hiện mua vào hoặc bán ra chứng khoán cơ sở để đảm bảo chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế không quá 20% trong vòng 03 ngày làm việc liên tục. Nói cách khác, TCPH sẽ thực hiện mua hoặc bán chứng khoán cơ sở nhằm đảm bảo số lượng chứng khoán cơ sở ở vị thế PNRR thực tế ngang bằng với vị thế PNRR lý thuyết.

o Ví dụ, khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi sẽ khiến Hệ số Delta thay đổi, khiến TCPH phải thực hiện mua/bán chứng khoán cơ sở để đảm bảo an toàn theo phương án trung hòa Delta. Việc duy trì vị thế trung hòa Delta giúp TCPH đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với Nhà đầu tư là người sở hữu chứng quyền khi có yêu cầu thực hiện quyền.

o Trường hợp khi xảy ra các biến động mạnh của chứng khoán cơ sở (chứng khoán cơ sở tăng trần, giảm sàn, không có dư mua hoặc dư bán), TCPH có thể tiến hành mua vào hoặc bán ra chứng quyền trên sàn đối với NĐT để đảm bảo duy trì vị thế trung hòa Delta, nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.

➢ Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế được xác định bằng số lượng chứng khoán cơ sở thực có dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro của SSI. Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền được xác định như sau:

$$\Delta pT\ \% = (pT - PT)/PT \times 100\ \%$$

Trong đó:

- *$\Delta pT\ \%$: Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T.*
- *pT: Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.*
- *PT: Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.*

➢ Bên cạnh việc mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, Công ty chứng khoán đồng thời sẽ thực hiện việc mua lại chứng quyền để giảm nghĩa vụ nợ với Nhà đầu tư và tương ứng làm giảm nghĩa vụ mua chứng khoán cơ sở để đạt trung hòa Delta.

2.2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro:

Để tổng chi phí phòng ngừa rủi ro trong suốt thời gian từ khi phát hành chứng quyền đến khi đáo hạn chứng quyền không được quá chênh lệch với khoản phí chứng quyền hợp lý. Chi phí phòng ngừa rủi ro bao gồm:

- Chi phí mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro: Chi phí này là khoản lỗ tiềm năng khi tổ chức phát hành thực hiện việc mua/bán chứng khoán cơ sở hàng ngày để phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng quyền đang lưu hành. Khoản chi phí này luôn phát sinh bất kể việc chứng quyền có được nhà đầu tư thực hiện hay không;
- Chi phí sử dụng vốn khoản tiền dùng để mua chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí giao dịch khi mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để mua chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để ký quỹ bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng lưu ký;
- Chi phí đăng ký lưu ký, Chi phí niêm yết, Chi phí Quản lý niêm yết;
- Chi phí phát hành chứng quyền;

Phí chứng quyền hợp lý là mức phí được tính toán theo các công thức định giá quyền chọn (còn gọi là giá lý thuyết) căn cứ trên một mức độ biến động hợp lý của giá tài sản cơ sở.

2.2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện qua nhiều bước với sự tham gia của nhiều bộ phận khác nhau từ việc lựa chọn cổ phiếu để phát hành chứng quyền cho tới việc thực hiện giao dịch phòng ngừa rủi ro cũng như giám sát từ các bộ phận độc lập.

Trách nhiệm của các đơn vị cụ thể như sau:

(i) Bộ Phận Tự Doanh

Bộ phận Tự Doanh đóng góp vào việc quản trị rủi ro phát sinh từ phát hành chứng quyền cụ thể như sau:

- Đánh giá về tính ổn định và độ biến động của giá cổ phiếu cơ sở.
- Đánh giá về vốn hóa, tính thanh khoản của cổ phiếu cơ sở.

- Đánh giá tình hình tài chính, kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp để làm đề xuất lên Hội Đồng Đầu Tư phê duyệt.
- Tính toán mức giá phát hành chứng quyền phù hợp.
- Ngoài ra xác định các thông tin như sau:
  - Khối lượng quyền dự kiến phát hành;
  - Giá quyền;
  - Giá thực hiện quyền;
  - Tỷ lệ chuyển đổi.
- Hàng ngày thực hiện giao dịch mua/bán tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging

(ii) Hội Đồng Đầu Tư

- Đánh giá về rủi ro cũng như lợi ích có thể đem lại từ việc phát hành chứng quyền.
- Phê duyệt cho phép phát hành chứng quyền với các thông tin cụ thể như bên dưới hoặc không cho phép.
- Giá phát hành.
- Giá thực hiện.
- Khối lượng phát hành tối đa.

(iii) Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro

Hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền được thực hiện trực tiếp bởi bộ phận QTRR. Hiện bộ phận QTRR có 05 nhân sự trong đó có 01 nhân sự phụ trách QTRR thị trường sẽ thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro hàng ngày dưới sự giám sát của Giams đốc QTRR cũng như kiểm tra định kỳ từ bộ phận kiểm soát tuân thủ. Ngoài ra bô phận QTRR còn xây dựng quy trình QTRR cho hoạt động phát hành chứng quyền.

Thông tin về Giám Đốc QTRR và nhân sự thực hiện phòng ngừa rủi ro như sau:

Họ Tên: Đặng Mạnh Cường

- Trình Độ Chuyên Môn: Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin, Thạc sĩ Tài Chính và Thương Mại quốc tế, Chứng chỉ QTRR quốc tế FRM, Chứng chỉ hành nghề Phân Tích Tài Chính.
- Kinh Nghiệm: Có 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng Khoán trong đó có 8 năm kinh nghiệm với vị trí Giám Đốc Quản Trị Rủi Ro.

Họ Tên: Lê Thanh Việt Hoàng

- Trình Độ Chuyên Môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh (MBA), Chứng chỉ CFA.

- Kinh nghiệm: Từng làm việc tại bộ phận Kiểm soát Nguồn Vốn Ngân hàng TNHH Indovina, hiện đang phụ trách về QTRR Thanh khoản và Thị trường tại SSI.

(iv) Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ

Định kỳ kiểm tra tính tuân thủ của với các quy định pháp luật cũng như quy định nội bộ của các bộ phận tham gia trong quá trình phát hành chứng quyền cũng như thực hiện giao dịch phòng ngừa rủi ro.

2.2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

SSI áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, SSI sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của SSI không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của UBCK khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

Với biến động giá chứng khoán xảy ra hàng ngày của chứng khoán cơ sở, giá trị Delta được tính theo Công thức Black Scholes sẽ biến động tương ứng. Công ty chứng khoán sẽ thực hiện mua hoặc bán chứng khoán cơ sở tương ứng với phần thay đổi của Delta để đảm bảo tổng vị thế của tổ chức phát hành vào cuối ngày ở trạng thái không thấp hơn mức cho phép của UBCK.

2.2.4. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.

2.2.5. Vị thế phòng ngừa rủi ro

- Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở, được tính toán dựa trên công thức Black Scholes theo Phụ lục số 01 Quyết định 72/QĐ - UBCK.

  Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết, công thức quy đổi vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết theo số lượng chứng khoán cơ sở nếu tổ chức phát hành sử dụng các loại chứng khoán phòng ngừa rủi ro khác không phải là chứng khoán cơ sở: Không sử dụng.

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành

Bộ phận Tự doanh SSI phụ trách việc lựa chọn chứng khoán cơ sở, tạo lập thị trường cho CW hằng ngày, và quản trị rủi ro cho nghĩa vụ phát hành đó. Nhân sự được đào tạo bài bản về các nội dung và nghiệp vụ liên quan. Tính đến thời điểm nay, bộ phận Tự doanh SSI đã sẵn sàng tham gia phát hành sản phẩm CW. SSI cũng đã đầu tư hệ thống phần mềm hỗ trợ

các nghiệp vụ tạo lập thị trường và quản trị rủi ro, do đó, hạn chế tối đa các lỗi tác nghiệp và đảm bảo sản phẩm sau khi niêm yết vận hành ổn định.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

Ngân hàng lưu ký: **NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 01/08/2006

Trụ sở chính: Số 74, Thợ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.3941.1844

Đại diện ký theo Quyết định số 917/QĐ-BIDV của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ký ngày 27 tháng 11 năm 2018.

VIII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Các nguyên tắc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra:

- Công khai, minh bạch;
- Ưu tiên lợi ích khách hàng trước lợi ích của SSI;
- Tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật có liên quan đến đợt phát hành.

2. Các bên liên quan đến đợt phát hành:

Trong đợt phát hành này, SSI không sử dụng các đơn vị tư vấn bên ngoài như kế toán, kiểm toán, luật, chuyên gia hoặc các bên khác cung cấp dịch vụ tư vấn cho SSI.

- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và Ngân hàng Lưu ký không phải là người có liên quan của SSI và SSIAM dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
- SSI và SSIAM, các chi nhánh là tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam được cấp phép hoạt động các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng. Trong hoạt động kinh doanh hàng ngày, chúng tôi và các nhân viên có thể tham gia vào các hoạt động đầu tư, tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính, quản lý quỹ,... cho chính mình hoặc cho khách hàng của mình liên quan đến tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan.

- SSI và SSIAM, các chi nhánh và các nhân viên của mình có thể được tiếp cận các thông tin quan trọng, phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và/hoặc các chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và/hoặc các chứng khoán cơ sở theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định của pháp luật và chuẩn mực đạo đức cao nhất nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích và cố gắng tối đa để công bố các xung đột tiềm ẩn đến Nhà đầu tư.

IX. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

X. PHỤ LỤC

- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Quyết định Hội đồng quản trị thông qua chào bán chứng quyền;
- Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức phát hành;
- Bản sao Điều lệ của tổ chức phát hành;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm gần nhất của tổ chức phát hành;
- Các tài liệu khác theo quy định.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 09 năm 2020

NGÂN HÀNG LƯU KÝ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ THÀNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thu Cúc

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

NGUYỄN DUY HƯNG